CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Ký bởi: TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
Cơ quan: VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
Ngày ký: 16-11-2026 09:34:41 +07:00

Tỉnh Nghệ An

Số 5 + 6 **Ngày 10 tháng 03 năm 2026**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

12-01-2026	Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND Quy định trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnhNghệ An	04
30-01-2026	Quyết định số 02/2026/QĐ-UBND Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An	08
02-02-2026	Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND Phân cấp thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An	15
02-02-2026	Quyết định số 04/2026/QĐ-UBND Bãi bỏ Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị do Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An sản xuất, cung ứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An	17
06-02-2026	Quyết định số 05/2026/QĐ-UBND Phân cấp thẩm quyền quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Nghệ An	18
12-02-2026	Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021 – 2026	23

23-02-2026	Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND Phân cấp một số nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh Nghệ An	79
09-03-2026	Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND Phân cấp một số nhiệm vụ tư pháp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cho Sở Tư pháp	83
09-03-2026	Quyết định số 10/2026/QĐ-UBND Sửa đổi khoản 3 Điều 2 Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An	86
09-03-2026	Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND Ban hành Danh mục địa bàn cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Nghệ An	88
09-03-2026	Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND Chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch từ Ủy ban nhân dân cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An	91
09-03-2026	Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND Quy định quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư	93
	CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN	
09-03-2026	Quyết định số 09/2026/QĐ-CTUBND Phân cấp một số nhiệm vụ tư pháp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho Sở Tư pháp	98
	VĂN BẢN PHÁP LÝ KHÁC	
	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH	
09-01-2026	Chỉ thị số 01/CT-UBND Về việc tổ chức thực hiện Tổng điều tra kinh tế năm 2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An	101
13-01-2026	Chỉ thị số 02/CT-UBND Về việc tổ chức Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm	104

14-01-2026	Quyết định số 03/CT-UBND Về tổ chức "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" nhân dịp Xuân Bính Ngọ và tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng năm 2026	111
27-01-2026	Thông báo số 59/TB-UBND Kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 01 năm 2026	114
27-01-2026	Thông báo số 59/TB-UBND Kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 01 năm 2026	123
12-02-2026	Quyết định số 05/CT-UBND Về việc tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước và thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2026	132
27-02-2026	Quyết định số 136/TB-UBND Kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 02 năm 2026	141

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 12 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnhNghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/ NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 12563/TTr-SNNMT.KS ngày 29/12/2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 54 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản

1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ (01 bộ) theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản thông qua một trong các hình thức nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc bản điện tử đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, số 16 đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn. Khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện việc nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

2. Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày kể, từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm tính hợp pháp, hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản gửi cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ để thông báo trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

Trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đáp ứng yêu cầu theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản trả lại hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ tính là hồ sơ nộp mới.

3. Thẩm định hồ sơ, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản

a) Đối với khoáng sản nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản nhóm II: Thời gian thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản tối đa là 60 ngày bao gồm thời gian quy định tại khoản 2 Điều này.

- Trong thời hạn không quá 47 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp pháp, hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật để thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trước khi tham mưu trình UBND tỉnh công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. Kết thúc phiên họp của hội đồng, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo kết luận của Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn kỹ thuật, kèm theo biên bản họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật đến tổ chức đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản; văn bản yêu cầu

tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày kết thúc thời gian thẩm định hồ sơ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ký ban hành Quyết định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. Trường hợp không công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thì phải có văn bản thông báo lý do cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để trả lời cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

b) Đối với khoáng sản nhóm III: Thời gian thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản tối đa là 45 ngày bao gồm thời gian quy định tại khoản 2 Điều này.

- Trong thời hạn không quá 32 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp pháp, hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật để thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trước khi tham mưu trình UBND tỉnh công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. Kết thúc phiên họp của hội đồng (trong trường hợp thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật), Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo kết luận của Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn kỹ thuật, kèm theo biên bản họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật đến tổ chức đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản; văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa,

bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày kết thúc thời gian thẩm định hồ sơ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ký ban hành Quyết định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. Trường hợp không công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thì phải có văn bản thông báo lý do cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để trả lời cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

4. Trả kết quả công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản để nhận kết quả. Thời gian trả kết quả không tính vào thời hạn thẩm định hồ sơ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **22/01/2026.**

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Đệ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 30 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính: phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Nghị định 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2035/TTr-SXD ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Công văn số 6748/SXD-VT ngày 12 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 áp dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An, gồm:

a) Khoản 4 Điều 44 về thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời;

b) Khoản 5 Điều 44 về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị.

2. Những nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong các đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Quyết định này không áp dụng đối với xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, bão, lũ, phục vụ thu dọn vệ sinh đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xe vệ sinh môi trường: Bao gồm xe ô tô tải dùng để chở rác thải sinh hoạt; xe ô tô tải chuyên dùng chở rác; ô tô chuyên dùng hút chất thải.

2. Thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật: Bao gồm bàn nâng lắp trên xe để người dùng xe lăn có thể lên xuống xe; cầu lên xuống xe để người dùng xe lăn có thể lên xuống xe; cửa ra/vào ưu tiên; xe lăn chuẩn; đai an toàn cho người dùng xe lăn; hệ thống neo giữ xe lăn; ghế ưu tiên,... đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

3. Trật tự, an toàn giao thông đường bộ: là trạng thái giao thông trên đường bộ có trật tự, bảo đảm an toàn, thông suốt; được hình thành và điều chỉnh bởi các quy tắc, nguyên tắc, quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Hoạt động vận tải trong đô thị:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải phải được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh vận tải;

b) Xe kinh doanh vận tải phải có phù hiệu theo quy định và phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải phương tiện đó đang hoạt động;

c) Xe ô tô hoạt động vận tải trong đô thị phải tuân thủ quy định về thời gian, phạm vi hoạt động trong các đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

d) Xe kinh doanh vận tải hành khách phải có thùng chứa rác, hợp vệ sinh, được bố trí nơi thuận tiện cho việc chứa rác;

e) Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời phải được che phủ kín, không để rơi vãi, phát tán bụi, mùi trong quá trình vận chuyển. Trường hợp để rơi, vãi xuống đường thì người vận tải phải có trách nhiệm khắc phục, thu dọn ngay và đồng thời có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn, bảo vệ vệ sinh và đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, không để xảy ra tai nạn giao thông;

f) Hoạt động vận tải hành khách phải đúng tuyến đường đô thị, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe đúng nơi quy định. Việc dừng, đón, trả khách du lịch tại các bến xe, khu du lịch, điểm du lịch,... thực hiện theo quy định của đơn vị quản lý bến xe, khu du lịch, điểm du lịch,..;

g) Xe ô tô khách hoạt động theo tuyến cố định, xe buýt được hoạt động 24/24h trên các tuyến đường đô thị đã được xác định lộ trình;

h) Xe taxi; xe ô tô con; xe vận chuyển bưu gửi (thư, gói, kiện hàng hóa được chấp nhận, vận chuyển và phát hợp pháp qua mạng bưu chính); xe ô tô cấp nước sinh hoạt; xe cứu hộ giao thông; xe chuyên dùng giải quyết các sự cố đột xuất về điện, nước, úng ngập do mưa, lún sụt đường, gãy cảnh, đổ cây được phép hoạt động 24/24h;

i) Xe máy chuyên dùng (trừ xe máy chuyên dùng có bánh xích và các loại xe đặc chủng sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ); xe cắt sửa cây; xe tưới nước rửa đường; xe ô tô chuyên dùng quét đường; máy sửa chữa cầu, đường; xe nâng đưa người làm việc trên cao không được phép hoạt động trên các tuyến đường trong đô thị vào các khung giờ cao điểm trong ngày (buổi sáng từ 06h30′ đến 08h30’; buổi chiều từ 16h30′ đến 18h30′);

k) Xe vận chuyển theo hợp đồng phải đón hành khách tại vị trí tập trung nhất định; các điểm dừng, đỗ, đón, trả khách phải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, đúng vị trí được phép dừng, đỗ xe và phải được ghi trong hợp đồng vận chuyển khách.

2. Quy định về thời gian và phạm vi hoạt động trong đô thị đối với một số loại phương tiện để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông:

a) Cấm các loại xe ô tô tải có khối lượng hàng hóa được phép chuyên chở (theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) lớn hơn 1,8 tấn và xe ô tô khách từ 16 chỗ trở lên hoặc lớn hơn 4 tấn và xe ô tô khách từ 16 chỗ trở lên (trừ xe công vụ, xe buýt, xe hợp đồng, xe tham quan du lịch, xe trung chuyển, xe đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang, xe phục vụ tang lễ, phục vụ đám cưới) trên một số tuyến đường đô thị trong khung giờ từ 06h00′ đến 22h00 hàng ngày;

b) Cấm các loại xe ô tô tải có khối lượng hàng hóa được phép chuyên chở (theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) lớn hơn 1,8 tấn và xe ô tô khách từ 16 chỗ trở lên (trừ xe công vụ, xe buýt, xe hợp đồng, xe tham quan du lịch, xe trung chuyển, xe đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang, xe phục vụ tang lễ, phục vụ đám cưới) trên một số tuyến đường đô thị đi qua trung tâm hành chính, văn hóa, chính trị của tỉnh;

3. Danh mục các tuyến đường cấm quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này do Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các phường quyết định.

Điều 5. Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị

1. Hoạt động của xe chở vật liệu xây dựng, phế thải rời thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quyết định này.

2. Xe vệ sinh môi trường được phép hoạt động từ 21h00′ đến 05h00’ ngày hôm sau.

3. Trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thời gian và phạm vi hoạt động của các phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết năm 2035, để được cấp phép hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, đơn vị phải trang bị tối thiểu 50% số lượng xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Tỷ lệ (%) phương tiện kinh doanh hành khách bằng xe buýt đang hoạt động đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, cụ thể:

a) Đến hết năm 2028 phải có ít nhất 5% phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên tổng số phương tiện hoạt động trên tuyến (đối với các đơn vị có dưới 20 phương tiện phải có tối thiểu 01 phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật);

b) Đến hết năm 2030 phải có ít nhất 10% phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên tổng số phương tiện hoạt động trên tuyến;

c) Giai đoạn từ năm 2031 đến hết năm 2035 mỗi năm tăng thêm ít nhất 15% phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến;

d) Sau năm 2035, 100% phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

3. Khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trước thời điểm thực hiện lộ trình theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các phường

1. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để ban hành quyết định, lắp đặt biển báo cấm các loại xe ô tô hoạt động trên các tuyến đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này;

b) Có trách nhiệm cho ý kiến khi nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân phường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

c) Thực hiện quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ và các quy định hiện hành;

d) Theo dõi, hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này, tổng hợp những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá triển khai, kịp thời báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung theo đúng quy định.

2. Công an tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị có liên quan tuần tra, kiểm tra, xử lý việc chấp hành pháp luật về đảm bảo an

toàn giao thông, an ninh trật tự của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động vận tải theo quy định của pháp luật;

b) Kết nối, chia sẻ thông tin về xử phạt vi phạm hành chính đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô cho Sở Xây dựng để phối hợp quản lý;

c) Có trách nhiệm cho ý kiến khi nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân phường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân phường:

a) Tuyên truyền, phổ biến Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị biết và thực hiện;

b) Tiến hành khảo sát các tuyến đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý, lấy ý kiến của Sở Xây dựng, Công an tỉnh, Ban An giao thông tỉnh và các đơn vị liên quan để ban hành quyết định, lắp đặt biển báo cấm các loại xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này;

c) Tổng hợp, báo cáo việc triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn về Sở Xây dựng theo quy định.

4. Báo và Phát thanh, Truyền hình Nghệ An, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Nghệ An, các cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, tổ chức có liên quan tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh biết, thực hiện.

Điều 8. Trách nhiệm của đơn vị vận tải

1. Thực hiện nghiêm các nội dung tại Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt hoạt động trước ngày Quyết định này có hiệu lực, xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2026.

2. Trước ngày 01 tháng 4 năm 2026, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các phường: Thành Vinh, Trường Vinh, Vinh Phú, Vinh Lộc, Vinh Hưng phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành rà soát các tuyến đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý và quyết định danh mục các tuyến đường cấm các loại xe ô tô theo quy

định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này.

3. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An: Quyết định số 70/2016/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 quy định về tuyến đường, thời gian hạn chế lưu thông của các phương tiện tham gia giao thông trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Các Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 70/2016/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 gồm: Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND ngày 26/10/2017, Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018, Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 09/4/2018, Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 07/6/2019, Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 06/4/2022.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàng Phú Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 02 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ Quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

Căn cứ Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ Quy định về dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 205 /TTr-SVHTTDL ngày 16 tháng 01 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã, phường;

c) Doanh nghiệp, hộ kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. tô

Điều 2. Nội dung phân cấp

1. Phân cấp cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn quản lý.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung được phân cấp theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2026 và thay thế Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của UBND tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục hoạt động theo nội dung ghi trong Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đã cấp.

3. Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa đến thời hạn được cấp thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Thái Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 02 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị do Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An sản xuất, cung ứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Giá số 16/2023/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giá số 140/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; số 85/2024/NĐ-CP ngày 20/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Thực hiện Thông báo số 59/TB-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An kết luận của UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ tháng 01 năm 2026; theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2581/TTr-STC ngày 20/5/2025 và Tờ trình số 833/TTr-STC ngày 02/02/2026;

UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị do Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An sản xuất, cung ứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh Nghệ An quy định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị do Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An sản xuất, cung ứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Thái Văn Thành

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 06 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; số 55/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP; số 77/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lĩnh vực nội vụ của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý;

Căn cứ Thông tư số 95/2025/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 68/TTr-SNV ngày 22 tháng 01 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phân cấp thẩm quyền quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên các loại trợ cấp, chế độ ưu đãi thường xuyên; kinh phí hỗ trợ một lần đối với bà mẹ Việt Nam anh hùng; chi phí quản lý và kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi công việc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng, và người trực tiếp tham gia kháng chiến, tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ Quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào, người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng do ngành Nội vụ quản lý từ nguồn ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Nghệ An (sau đây gọi là kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến).

2. Đối tượng áp dụng

Các địa phương, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc quản lý đối tượng và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng, người

trực tiếp tham gia kháng chiến và chi phí quản lý do ngành Nội vụ quản lý từ nguồn ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp quản lý đối tượng và sử dụng kinh phí

1. Đảm bảo công tác quản lý được thực hiện thống nhất, hiệu quả, theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các quy định của pháp luật liên quan đến việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng, người trực tiếp tham gia kháng chiến.

2. Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý của từng cấp, từng ngành, từng tổ chức và cá nhân trong thực hiện quản lý đối tượng, chi trả trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến và phí quản lý đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đầy đủ, đúng đối tượng, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định.

3. Bảo đảm phát huy tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền cho Sở Nội vụ

Quản lý sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền cho UBND các xã, phường

Quản lý sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính

Căn cứ nguồn kinh phí được ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu hàng năm và đề xuất phân bổ dự toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với

cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến của Sở Nội vụ, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ và giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện.

Tổng hợp quyết toán, công khai dự toán, quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chính sách đảm bảo đúng theo quy định.

b) Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, tổng hợp dự toán kinh phí năm sau để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến của các xã, phường và đơn vị thuộc phạm vi quản lý báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính theo đúng quy định. Sau khi được Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh để thực hiện chính sách, Sở Nội vụ đề xuất phương án phân bổ kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến cho các xã, phường, các đơn vị gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện chính sách ngay từ đầu năm.

c) Đối với kinh phí chưa phân bổ Sở Nội vụ xét duyệt, tổng hợp danh sách đối tượng và nhu cầu kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến đảm bảo đúng quy định gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định.

d) Trước ngày 30 tháng 10 hằng năm, Sở Nội vụ rà soát đối tượng và kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến của các xã, phường và đơn vị thuộc phạm vi quản lý đề xuất phương án phân bổ kinh phí gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định.

e) Kết thúc năm ngân sách, Sở Nội vụ rà soát, chốt danh sách đối tượng, nhu cầu kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến của các xã, phường và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp gửi

Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định thu hồi kinh phí còn dư, bổ sung kinh phí còn thiếu cho các địa phương, đơn vị để thực hiện theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, xây dựng dự toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến ở địa phương năm sau gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

b) Phân bổ và giao, bổ sung dự toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp ngân sách sau khi được UBND tỉnh quyết định giao dự toán. Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, thực hiện rà soát đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công mới cách mạng và trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn, gửi Sở Nội vụ rà soát đối tượng và kinh phí thực hiện chính sách, tổng hợp gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến từ nguồn ngân sách trung ương trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

3. Trường hợp các văn bản pháp luật liên quan đến nội dung phân cấp thẩm quyền có thay đổi dẫn đến nội dung Quyết định này không còn phù hợp, Sở Nội vụ kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xem xét, bổ sung hoặc thay thể đảm bảo đúng quy định.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Kho bạc nhà nước Khu vực XI; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Thái Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021 – 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 314/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 305/TTr-VPUB ngày 11/02/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường ban hành Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị phù hợp với Quy chế này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Hiệu lực thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan Trung ương thuộc hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Võ Trọng Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN, NHIỆM KỲ 2021 - 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06/2026/QĐ-UBND Ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc làm việc; chế độ trách nhiệm; quan hệ công tác; phạm vi, cách thức, quy trình giải quyết công việc; chương trình công tác, các hoạt động và chế độ thông tin, báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; giải quyết công việc theo quy định của pháp luật, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; bảo đảm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và của Nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời đề cao thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phát huy vai trò lãnh đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương chuyên nghiệp, hiện đại, đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; điều hành, xử lý công việc, khai thác dữ liệu số và cung cấp dịch

vụ công trên môi trường điện tử để nâng cao hiệu quả quản trị, hướng tới mục tiêu xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Dữ liệu được tạo lập trong quá trình hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất, được quản lý, khai thác, sử dụng chung, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, bí mật nhà nước theo quy định, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm trách nhiệm giải trình gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực; bảo đảm nền hành chính minh bạch, thống nhất, thông suốt, liên tục; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

4. Trong phân công giải quyết công việc, mỗi nhiệm vụ chỉ được giao cho một cơ quan, đơn vị, một cá nhân chủ trì và chịu trách nhiệm. Cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao chủ trì phải đúng với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả thực hiện và giải quyết công việc.

5. Tuân thủ quy trình, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn và quy định của pháp luật, Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, phân quyền. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự quản lý thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh; xác định rõ trách nhiệm cá nhân gắn với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát; có cơ chế theo dõi, đánh giá, kiểm tra và kịp thời điều chỉnh nội dung phân cấp, ủy quyền khi các nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp, ủy quyền thực hiện không hiệu quả.

6. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; xây dựng chính quyền gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân; phối hợp và tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện tốt cơ chế phản biện xã hội.

7. Bảo đảm phát huy năng lực, sở trường, tính sáng tạo của cán bộ, công chức; đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Chương II
TRÁCH NHIỆM, PHẠM VI, CÁCH THỨC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 3. Trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh và trước Nhân dân về việc thực hiện chức năng, nhiệm

vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác có liên quan.

2. Cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh thảo luận tập thể và quyết định những nội dung sau đây:

- Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 05 năm; kế hoạch đầu tư công; dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương; quyết toán ngân sách nhà nước để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định;

- Chiến lược, cơ chế, chính sách, các loại quy hoạch, kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Hội đồng nhân dân tỉnh giao;

- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng, hằng quý, 06 tháng, cả năm; nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

- Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân; việc thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân; thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính các cấp để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định;

- Chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân; kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân;

- Những vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Việc biểu quyết có thể được thực hiện tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc bằng phiếu lấy ý kiến các thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận, biểu quyết tại phiên họp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (trên cơ sở đề nghị của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý nội dung) quyết định việc biểu quyết của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến, phiếu biểu quyết điện tử (theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo) thông qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành số hoặc bằng hình thức phù hợp khác.Việc lập, gửi, lưu trữ và xử lý hồ sơ xin ý kiến, biểu quyết điện tử phải bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, văn thư, lưu trữ.

c) Trường hợp biểu quyết bằng phiếu ghi ý kiến, phiếu biểu quyết điện tử: trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phiếu biểu quyết, các

thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh phải có ý kiến trả lời đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ghi rõ nội dung nếu có ý kiến khác ; đối với những nội dung đột xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thời gian lấy ý kiến ngắn hơn và được ghi rõ trong phiếu biểu quyết. Sau thời hạn nêu trên, các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh không có ý kiến thì được tính là đồng ý và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung đã được xin ý kiến.

3. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được quá nửa tổng số thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã biểu quyết.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, trừ các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

5. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc giải quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, không để việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp bị đình trệ, ùn tắc, kém hiệu quả.

Điều 4. Trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, điều hành công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân và cùng các thành viên khác của Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, trừ các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quy chế này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng các hình thức phù hợp (gửi văn bản đến các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để biết hoặc giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp gần nhất).

3. Cách thức giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Triệu tập, chủ trì và quyết định các vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chỉ đạo, xử lý công việc trên môi trường điện tử phù hợp với thực tiễn; Văn phòng Ủy ban nhận dân tỉnh chịu trách nhiệm làm đầu mối giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các nội dung công việc liên quan.

c) Trực tiếp chỉ đạo giải quyết hoặc phân công cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể thuộc phạm vi, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ giao, ủy quyền.

Khi phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ giao, ủy quyền thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách trước cơ quan, tổ chức, cá nhân ủy quyền về việc phân công.

d) Phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp.

đ) Ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật trong khoảng thời gian xác định trừ trường hợp pháp luật quy định không được ủy quyền.

e) Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc giao Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong phạm vi lĩnh vực, công việc đã phân công cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

g) Họp, làm việc với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác có liên quan để giải quyết công việc.

h) Phân công 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vắng mặt tại cơ quan.

i) Thành lập tổ tư vấn giúp chỉ đạo một số nhiệm vụ quan trọng hoặc vấn đề liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, phạm vi khi cần thiết.

k) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc giải quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, không để việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp bị đình trệ, ùn tắc, kém hiệu quả.

l) Ủy quyền Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giải trình, trả lời chất vấn trước Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và các cơ quan khác tại các cuộc họp khi được sự đồng ý của Chủ trì.

m) Ngoài các cách thức trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết công việc thông qua các hình thức: đi công tác; kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật tại cơ sở; giải trình, trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân; trả lời kiến nghị của cử tri; họp báo và chỉ đạo xử lý thông tin báo chí; tiếp công dân; tiếp khách trong nước và nước ngoài; các cách thức khác theo quy định pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công theo lĩnh vực, địa bàn công tác; làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch các Hội đồng, Trưởng, Phó Trưởng các Ban Chỉ đạo theo lĩnh vực có liên quan; chỉ đạo, theo dõi hoạt động và giữ mối liên hệ thường xuyên với một số cơ quan, đơn vị. Chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về các quyết định thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi, quyền hạn được phân công; đồng thời, cùng các thành viên khác của Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quy chế này. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được sử dụng quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhân danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực phân công và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Chương trình công tác tháng (bao gồm cả các nội dung phát sinh trong tháng) và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì các hội nghị, cuộc họp, buổi làm việc, tiếp khách, tham dự các sự kiện… theo ngành, lĩnh vực được phân công; trường hợp có nhiệm vụ đột xuất báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để cử người thay thế.

3. Cách thức giải quyết công việc của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Chỉ đạo, xử lý công việc trên môi trường điện tử phù hợp với thực tiễn tại địa phương; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm làm đầu mối giúp Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các nội dung công việc.

b) Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các cơ chế, chính sách, đề án phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trong phạm vi ngành, lĩnh vực, cơ quan được phân công phụ trách theo đúng chủ trương, chính sách, pháp luật, phù hợp với các văn bản chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế của địa phương, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả cao.

c) Chỉ đạo, kiểm tra các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật và nhiệm vụ thuộc phạm vi được phân công phụ trách, không để việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp bị đình trệ, ủn tắc, kém hiệu quả.

d) Họp, làm việc với lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác có liên quan để giải quyết công việc.

đ) Nhân danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý những vấn đề phát sinh hàng ngày thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; nghiên cứu phát hiện và đề xuất những vấn đề về chính sách cần sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn được phân công, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

e) Ký thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc văn bản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn được phân công và hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó.

g) Trong phạm vi quyền hạn được giao, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động xử lý công việc. Nếu vấn đề có liên quan đến các lĩnh vực công tác của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khác phụ trách thì chủ động phối hợp để giải quyết. Trường hợp có ý kiến khác nhau thì Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đang chủ trì xử lý công việc đó báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

h) Định kỳ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tình hình công việc mình phụ trách báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản hoặc tại cuộc họp giao ban. Trong chỉ đạo điều hành, nếu có vấn đề liên quan hoặc thuộc lĩnh vực Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp phụ trách, những vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, những vấn đề chưa được quy định, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động đề xuất, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Nếu vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để đưa ra phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh thảo luận, quyết định.

i) Ngoài các cách thức trên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết công việc thông qua các hình thức: đi công tác; kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật tại địa phương; giải trình, trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân; trả lời kiến nghị của cử tri; họp báo và chỉ đạo xử lý thông tin báo chí; tiếp công dân; tiếp khách trong nước và nước ngoài; các cách thức khác theo quy định pháp luật và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc của các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và theo ngành, lĩnh vực được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh phân công; có trách nhiệm chủ động, tích cực tham gia giải quyết các công việc chung của tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công việc thuộc lĩnh vực được phân công, ủy quyền; đồng thời, cùng các thành viên khác của Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

2. Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các đề nghị của đơn vị, cá nhân thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh phải dành thời gian để tham gia, phối hợp giải quyết công việc của tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền và định kỳ báo cáo kết quả.

3. Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ, họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh; thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra phiên họp hoặc bằng Phiếu xin ý kiến hoặc các hình thức phù hợp khác theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đúng thời gian quy định.

4. Chấp hành các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp có ý kiến khác với các quyết định đó thì vẫn phải thực hiện và được trình bày, bảo lưu ý kiến với tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về vấn đề đó.

5. Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh được Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (khi có yêu cầu). Đồng thời, có trách nhiệm phản hồi, cung cấp thông tin theo các lĩnh vực được giao cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Cách thức giải quyết công việc của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Chủ động, tích cực, kịp thời báo cáo, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề vướng mắc trong thực tiễn, các chủ trương, cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật cần thiết đề xuất để sửa đổi, bổ sung, ban hành, việc thí điểm thực hiện cơ chế, chính sách đối với những vấn đề mới chưa quy định.

b) Chủ động, tích cực rà soát, báo cáo, làm việc kịp thời với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh khác về các công việc thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các công việc khác có liên quan hoặc khi thấy cần thiết.

c) Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành chính sách, pháp luật, việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và các quyết định, chỉ

đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về ngành, lĩnh vực được phân công, phân cấp, ủy quyền.

d) Chủ động họp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết công việc được phân công theo thẩm quyền hoặc thảo luận, thống nhất những vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Đi công tác; kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện công việc tại các đơn vị, địa phương; giải trình, trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân; trả lời kiến nghị của cử tri; họp báo; tiếp công dân và các cách thức khác theo quy định của pháp luật và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và công việc do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc ủy quyền; thường xuyên kiểm tra, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách về kết quả thực hiện nhiệm vụ. Ưu tiên nguồn lực, chịu trách nhiệm về công tác xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về công tác thực thi pháp luật, cải cách hành chính, tổ chức bộ máy, xây dựng và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan tương sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 4 và Điều 7 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời kỷ luật, kỷ cương hành chính, trong đó có các quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ, cơ quan Trung ương quản lý chuyên ngành; thường xuyên giữ mối liên hệ, tranh thủ sự giúp đỡ và kiến nghị, đề xuất để giải quyết những khó khăn, vướng mắc (nếu có) với cơ quan Trung ương.

4. Chủ động triển khai thực hiện công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao (kể cả các việc được ủy quyền); không né tránh, đùn đẩy trách

nhiệm; không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền của mình lên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc chuyển cho các cơ quan khác. Chủ động triển khai hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo của các cơ quan Trung ương, Tỉnh ủy và giải quyết các nội dung đề nghị của các sở, ngành, địa phương, đơn vị thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình (không chờ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh mới tham mưu, thực hiện); không giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của cơ quan khác (trừ trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền giao, ủy quyền).

5. Khi nhận được Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Trung ương, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm chủ động nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ các nội dung thuộc thẩm quyền; đồng thời hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện thống nhất, đúng quy định. Đối với các nội dung vượt thẩm quyền hoặc liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai theo quy định của pháp luật, bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

6. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn đối với đơn vị cấp dưới theo ngành dọc và đơn vị thuộc quyền quản lý.

7. Chấp hành nghiêm các quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp chậm hoặc chưa thực hiện được phải kịp thời báo cáo rõ lý do bằng văn bản. Khi có căn cứ là quyết định chỉ đạo đó trái pháp luật, thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định.

8. Cách thức giải quyết công việc của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trực tiếp giải quyết công việc do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, ủy quyền và các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức được pháp luật quy định; được phân công cho cấp phó của mình thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể thuộc phạm vi thẩm quyền của cơ quan, tổ chức hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, ủy quyền. Khi vắng mặt tại cơ quan, phân công một cấp phó của mình để điều hành, giải quyết công việc của cơ quan.

Khi phân công cấp phó của mình thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thì người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước cơ quan, cá nhân ủy quyền về việc phân công cấp phó của mình thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

b) Giải quyết những kiến nghị của các tổ chức, cá nhân thuộc chức năng, thẩm quyền; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những việc vượt thẩm quyền hoặc những việc đã phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết nhưng ý kiến chưa thống nhất.

c) Tham gia đề xuất ý kiến về những công việc chung của Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện một số công việc cụ thể theo phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền, có quyền đề nghị điều chỉnh nội dung, phạm vi, thời hạn ủy quyền, đồng thời không được ủy quyền tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được ủy quyền.

d) Tham gia ý kiến với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã để xử lý các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền.

đ) Chỉ đạo, xử lý công việc trên môi trường điện tử, trừ các văn bản mật, bảo đảm rút ngắn thời gian xử lý, công khai, minh bạch gắn với trách nhiệm giải trình; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác điều hành, giải quyết thủ tục hành chính.

Được cấp và sử dụng tài khoản, chữ ký số, hộp thư điện tử công vụ trên các hệ thống thông tin điện tử; trang bị các phương tiện công nghệ thông tin để trao đổi ý kiến, giải quyết công việc hoặc khai thác thông tin, dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền.

e) Đối với những công việc thuộc thẩm quyền nhưng nội dung phức tạp, có tính liên ngành, còn có ý kiến khác nhau, đã phối hợp xử lý nhưng không thống nhất thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, người đứng đầu cơ quan chủ trì phải trực tiếp làm việc với người đứng đầu các đơn vị liên quan để xem xét, quyết định; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách những việc vượt thẩm quyền hoặc những việc đã phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết nhưng ý kiến vẫn chưa thống nhất.

g) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của cơ quan mình.

h) Thực hiện công tác cải cách hành chính trong nội bộ cơ quan và tham gia công tác cải cách hành chính của địa phương.

i) Đi công tác; kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện công việc tại các đơn vị, địa phương; giải trình, trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật; trả lời kiến nghị của cử tri; họp báo; tiếp công dân và các cách thức khác theo quy định của pháp luật và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Khi người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cần đăng ký lịch báo cáo công việc với lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện như sau:

a) Những vấn đề cần đăng ký báo cáo tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phải có văn bản gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm đưa vào chương trình họp tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo cho đơn vị đó biết để chuẩn bị nội dung.

b) Những vấn đề cần báo cáo trực tiếp xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách thì đơn vị liên hệ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để đăng ký lịch. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thông báo và bố trí.

c) Trường hợp khẩn cấp, các đơn vị có thể báo cáo trực tiếp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách.

10. Trước khi thực hiện yêu cầu của các cơ quan, tổ chức bên ngoài Ủy ban nhân dân tỉnh về báo cáo, cung cấp thông tin và tiến hành các công việc có liên quan đến thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (kể cả trong trường hợp nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền cho cấp phó) phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực để bảo đảm tính nghiêm túc và sự nhất quán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

11. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh thì ngoài thực hiện các trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc theo quy định tại Điều này thì còn thực hiện các trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 8. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Lãnh đạo, chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 12 Điều 8 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong tham mưu, giúp việc, phục vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật.

2. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, theo dõi tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tại địa phương;

tổng hợp tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo tại các cuộc họp giao ban của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, tham mưu, đề xuất những vấn đề về chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý, quyết định xử lý công việc cụ thể thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước.

3. Tổ chức việc cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính và trao đổi thông tin giữa các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao là người thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định.

4. Khi tiếp nhận văn bản đến là Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Trung ương mới ban hành; hoặc văn bản của các Bộ, ngành Trung ương đề nghị tham gia góp ý đối với dự thảo Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản quy định về lĩnh vực chuyên môn, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm sao gửi kịp thời đến các cơ quan, đơn vị có liên quan; hoặc ký thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với văn bản giao các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

5. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh; kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các biện pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện.

6. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy chế khác có liên quan, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm điểm việc thực hiện Quy chế làm việc.

7. Giải quyết một số công việc cụ thể theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Thực hiện các trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 9. Quan hệ phối hợp công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phải giữ mối liên hệ thường xuyên và chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thường xuyên phối hợp với các

bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan của Trung ương có liên quan; bảo đảm nền hành chính thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương; giữ mối liên hệ thường xuyên với các cơ quan của của Tỉnh ủy trong công tác.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi thông tin với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung làm việc của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, các báo cáo, đề án, dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương; nghiên cứu giải quyết theo thẩm quyền các kiến nghị của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp, trao đổi thông tin với Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; chỉ đạo, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân mà đại biểu Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội đã chuyển đến; khi có yêu cầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác cùng tham dự các buổi tiếp xúc cử tri, khảo sát tình hình thực tế ở địa phương của đại biểu Quốc hội để tiếp thu xử lý những vấn đề liên quan.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ, trao đổi thông tin với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, vận động nhân dân tham gia xây dựng, củng cố chính quyền vững mạnh, tự giác thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật.

Ủy ban nhân dân tỉnh và các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm giải quyết và trả lời các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp, trao đổi thông tin với Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, các hành vi vi phạm Hiến pháp và pháp luật, giữ vững kỷ luật, kỷ cương hành chính, tuyên truyền giáo dục pháp luật.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện, môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, an toàn, bình đẳng cho các doanh nghiệp, tổ chức, cơ sở kinh doanh và cá nhân trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 10. Quan hệ công tác giữa người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quan hệ giữa người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là quan hệ phối

hợp và cộng tác dưới sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh khi giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của mình có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan khác thì phải lấy ý kiến của người đứng đầu cơ quan đó. Việc lấy ý kiến được thực hiện bằng một trong hai hình thức: tổ chức họp để bàn trực tiếp hoặc gửi văn bản lấy ý kiến, cụ thể:

a) Khi được mời họp để lấy ý kiến, người đứng đầu cơ quan phối hợp phải trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền dự họp; ý kiến của người dự họp là ý kiến chính thức của cơ quan đó. Các ý kiến của thành phần tham dự được lập thành biên bản và kết luận của người chủ trì cuộc họp. Trường hợp cử lãnh đạo cấp phòng dự họp thay, trong vòng 01 ngày làm việc sau cuộc họp, phải có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi đơn vị chủ trì.

Đơn vị chủ trì họp có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, trừ các nội dung cấp bách thì thời gian gửi tài liệu có thể muộn hơn.

b) Khi được mời họp để xử lý những ý kiến khác nhau về nội dung chủ yếu của các công việc theo quy định tại các điểm e, g khoản 8 Điều 7 Quy chế này thì người đứng đầu đơn vị được mời có trách nhiệm tham dự, trường hợp đặc biệt nếu vắng mặt có lý do phải cử cấp phó dự họp thay.

c) Khi lấy ý kiến bằng hình thức văn bản, cơ quan chủ trì lấy ý kiến phải có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu kèm theo; gửi văn bản đề xuất, kiến nghị chỉ gửi một bản đến một địa chỉ theo thẩm quyền giải quyết (trường hợp cần báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để báo cáo, phối hợp thì chỉ ghi tên cơ quan, đơn vị đó ở phần nơi nhận văn bản).

Đối với những vấn đề pháp luật quy định thời hạn lấy ý kiến và trả lời ý kiến, thì thực hiện theo quy định. Đối với những vấn đề mà pháp luật không quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến và trả lời ý kiến, thì tùy vào tính chất, nội dung lấy ý kiến, đơn vị lấy ý kiến ghi rõ thời hạn trả lời nhưng không ít hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản, trừ trường hợp cần xử lý các vấn đề cấp bách, đột xuất.

Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được hỏi ý kiến phải trả lời rõ ý kiến về các nội dung được hỏi bằng văn bản trong thời hạn đơn vị lấy ý kiến đề nghị và chịu trách nhiệm về nội dung trả lời, đồng thời chịu trách nhiệm khi trả lời chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết nội dung công việc được hỏi.

d) Các đơn vị lấy ý kiến có trách nhiệm đôn đốc các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc trả lời nội dung lấy ý kiến; hàng tháng tổng hợp việc không trả lời, trả lời chậm, trả lời không thể hiện chính kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (tổng hợp vào báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh); Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có

trách nhiệm tổng hợp báo cáo tại phiên họp thường kỳ hàng tháng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Khi giải quyết công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan khác, trường hợp đã có ý kiến của cơ quan đó theo đúng nội dung đang giải quyết thì được phép sử dụng ý kiến này thay cho việc lấy ý kiến lại.

3. Đối với những nội dung công việc cần thiết phải ban hành các quy trình liên thông, phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chủ trì xây dựng dự thảo quy trình, quy chế,… trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện, đảm bảo công khai, minh bạch và đúng quy định pháp luật.

4. Người đứng đầu cơ quan được phân công làm nhiệm vụ chủ trì thẩm định, thẩm tra các đề án phải chịu trách nhiệm thực hiện công việc được giao đảm bảo chất lượng và đúng thời hạn quy định. Trường hợp đơn vị được lấy ý kiến không gửi văn bản tham gia ý kiến theo đúng quy định thì cơ quan chủ trì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo kịp thời.

5. Đối với những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phải chủ động làm việc với người đứng đầu các cơ quan có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 11. Quan hệ công tác giữa người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động triển khai thực hiện công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao (kể cả các việc được ủy quyền), không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền của mình lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc chuyển cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Khi giải quyết công việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp để xin ý kiến trực tiếp hoặc gửi văn bản xin ý kiến hướng dẫn của cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

a) Khi được mời họp để lấy ý kiến, người đứng đầu cơ quan phối hợp phải trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền dự họp. Ý kiến của người dự họp là ý kiến chính thức của cơ quan. Ý kiến của các đại biểu dự họp được lập thành biên bản theo quyết định của người chủ trì cuộc họp. Trường hợp lãnh đạo đơn vị bận, cử lãnh đạo cấp phòng dự họp thay thì trong vòng 03 ngày làm việc sau cuộc họp, đơn vị được mời dự họp phải có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi đơn vị lấy ý kiến.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan nội dung họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, trừ các nội dung cấp bách thì thời gian gửi tài liệu có thể muộn hơn.

b) Khi lấy ý kiến bằng hình thức văn bản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu kèm theo; gửi văn bản đề xuất, kiến nghị chỉ gửi một bản đến một địa chỉ theo thẩm quyền giải quyết (trường hợp cần báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để báo cáo, phối hợp thì chỉ ghi tên cơ quan, đơn vị đó ở phần nơi nhận văn bản).

Đối với những vấn đề mà pháp luật không quy định cụ thể thời hạn xin ý kiến và trả lời ý kiến, thì tùy vào tính chất, nội dung xin ý kiến, văn bản xin ý kiến ghi rõ thời hạn trả lời nhưng không ít hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản, trừ trường hợp cần xử lý các vấn đề cấp bách, đột xuất.

Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm giải quyết các đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền của mình và phải trả lời bằng văn bản theo thời hạn ghi trong văn bản xin ý kiến và chịu trách nhiệm về nội dung trả lời. Hết thời hạn đó, trường hợp chưa nhận được văn bản trả lời thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biết để chỉ đạo cơ quan có trách nhiệm giải quyết.

Trường hợp giải quyết những vấn đề phức tạp, tồn đọng kéo dài thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ công tác thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; quản lý chặt chẽ các đơn vị trực thuộc, kịp thời chấn chỉnh, xử lý các việc làm sai phạm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo, chuẩn bị nội dung, bố trí lịch làm việc, dự họp với người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh khi được yêu cầu.

4. Trường hợp người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lấy ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và ngược lại, thời hạn hỏi và trả lời thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp cơ quan, tổ chức không phải là đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc đề

nghị làm chủ đề tài, đề án, thì việc lấy ý kiến và trả lời của các cơ quan được hỏi ý kiến thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III
TRÁCH NHIỆM, QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ, CÔNG VIỆC

Điều 12. Các loại hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các dự án, đề án, quy hoạch, chương trình, kế hoạch của địa phương.

3. Các hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông.

4. Các dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Các công việc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo trực tiếp hoặc do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất.

Điều 13. Yêu cầu đối với hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật và quy định tại Quy chế này, thực hiện trên môi trường điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (trừ hồ sơ mật, trong khi chưa có hệ thống quản lý hồ sơ công việc và xử lý văn bản mật).

Trường hợp pháp luật có quy định hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải có tài liệu kèm theo thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

2. Hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm:

a) Phiếu trình giải quyết hồ sơ, công việc của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tờ trình hoặc văn bản, báo cáo của cơ quan chủ trì trình (gọi tắt là văn bản trình);

c) Dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký, ban hành (bao gồm: dự thảo văn bản Ủy ban nhân dân tỉnh, văn bản Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, văn bản Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, văn bản Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, văn bản

Hội đồng nhân dân tỉnh, văn bản Tỉnh ủy… và trình bày đúng thể thức theo quy định);

d) Báo cáo thẩm định *(nếu có)*: Đảm bảo đầy đủ nội dung thẩm định theo quy định của pháp luật hiện hành;

đ) Ý kiến của các cơ quan liên quan đến vấn đề trình *(nếu có);*

e) Bản tổng hợp ý kiến và giải trình về nội dung dự thảo văn bản *(nếu có);*

g) Các dự thảo văn bản hướng dẫn thi hành *(nếu có);*

h) Phiếu kiểm soát thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định đối với Hồ sơ thủ tục hành chính một cửa;

i) Các tài liệu khác có liên quan theo quy định pháp luật.

3. Hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải đúng thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và phải được người có thẩm quyền ký, đóng dấu đúng quy định; nội dung trình phải nêu rõ quan điểm, chính kiến và đảm bảo thể thức.

- Văn bản trình phải do cấp trưởng (hoặc ủy quyền cho cấp phó) ký, đóng dấu đúng thẩm quyền, đảm bảo thể thức ban hành văn bản theo quy định và chỉ gửi một bản đến một địa chỉ theo thẩm quyền giải quyết (trường hợp cần gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để báo cáo hoặc phối hợp thì chỉ ghi tên cơ quan, đơn vị đó ở phần nơi nhận văn bản).

- Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải trực tiếp ký các văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các nội dung thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các nội dung lớn, phức tạp, quy định của pháp luật chưa rõ; nội dung còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Văn bản trình phải đánh giá được thực trạng, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn; cơ sở chính trị, căn cứ pháp lý (nêu cụ thể điều, khoản, văn bản quy định); tác động của đề án, nội dung trình; thẩm quyền xử lý các thủ tục hành chính và tác động của các thủ tục hành chính đối với đề án, nội dung trình có quy định về thủ tục hành chính; xác định rõ thẩm quyền giải quyết công việc, nêu cụ thể điều, khoản tại các văn bản quy định *(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của các cơ quan khác: Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh…)*; đề xuất các giải pháp, thẩm quyền xử lý và nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị, địa phương.

4. Hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải được gửi bằng bản giấy hoặc dưới dạng văn bản điện tử, có ký số đúng thẩm quyền và được gửi, nhận qua môi trường mạng hoặc Hệ thống Quản lý văn bản và điều

hành (ubndnghean.vnptioffice.vn), trừ trường hợp có yêu cầu khác. Trường hợp chưa có ký số thì gửi đồng thời văn bản giấy và văn bản điện tử. Riêng văn bản mật, thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Trường hợp hồ sơ, công việc trình có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan khác thì cơ quan chủ trì tham mưu phải chủ động lấy ý kiến; trong hồ sơ, công việc trình phải kèm theo bản sao văn bản của các cơ quan góp ý, đồng thời cơ quan chủ trì phải tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác các ý kiến của cơ quan được xin ý kiến, các cơ quan được xin ý kiến nhưng chưa trả lời vào văn bản trình (hoặc bảng tổng hợp kèm theo văn bản trình); trường hợp cơ quan chủ trì có ý kiến khác với ý kiến của cơ quan được xin ý kiến thì phải giải trình, nêu rõ căn cứ, lý do. Cơ quan trình chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung và hồ sơ trình và cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, thông tin, dữ liệu khác khi lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu hoặc đề nghị của cơ quan thẩm định, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Đối với các văn bản, hồ sơ trình ban hành các văn bản có chứa nội dung thuộc bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật vẫn phải đảm bảo các thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này; cơ quan trình phải xác định độ mật của văn bản tham mưu ban hành, nêu rõ căn cứ xác định độ mật (điều, khoản, văn bản quy định); quá trình soạn thảo, lấy ý kiến, gửi, nhận, quản lý hồ sơ phải tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước.

7. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chưa được kết nối liên thông với Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành số của tỉnh và các hồ sơ trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân không thuộc hệ thống hành chính Nhà nước gửi thì thực hiện theo quy định về công tác văn thư.

Điều 14. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong xử lý, giải quyết hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi nhận được hồ sơ, công việc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, xử lý, lập danh mục theo dõi quá trình xử lý các hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện lưu trữ theo quy định.

2. Khi nhận được hồ sơ cần xử lý, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ về thủ tục, thể thức, hình thức văn bản và lập Phiếu trình giải quyết công việc, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi lĩnh vực xem xét quyết định.

a) Thẩm tra về mặt thủ tục: nếu hồ sơ không đúng quy định, trong 3 ngày làm việc, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp làm việc với cơ quan trình hoặc trả lại hồ sơ (nêu rõ nguyên nhân) để bổ sung đủ hồ sơ theo quy định;

b) Thẩm tra về thể thức, hình thức văn bản dự thảo: nếu thể thức, hình thức văn bản không phù hợp, chưa đúng quy định, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với cơ quan trình để hoàn chỉnh đảm bảo phù hợp;

c) Phối hợp với cơ quan trình chỉnh sửa những nội dung không phù hợp hoặc không đúng quy định pháp luật trong văn bản dự thảo trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp không thống nhất được với cơ quan trình, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được bảo lưu ý kiến và trình bày rõ trong Phiếu trình, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Thời gian Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thành công việc thẩm tra, lập Phiếu trình và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do Chánh Văn phòng UBND tỉnh quy định tùy theo nội dung, tính phức tạp của vấn đề trình nhưng tối đa không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ (trừ những nội dung cần thiết, đột xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ). Đối với các thủ tục hành chính có quy định thời gian xử lý, thời gian Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thành công việc thẩm tra theo quy định của pháp luật liên quan.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc người có thẩm quyền khi được ủy quyền) chuyển cho phòng, ban chuyên môn tham mưu xử lý. Việc chuyển hồ sơ, công việc phải bảo đảm chính xác và bảo mật nội dung; được theo dõi, cập nhật trạng thái gửi, nhận, xử lý trên môi trường điện tử, trừ trường hợp hồ sơ trình có nội dung thuộc bí mật nhà nước thì thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những hồ sơ, công việc thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền xử lý, giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 12 Quy chế này và có đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

6. Việc xử lý, lập danh mục hồ sơ, công việc được lưu trữ có hệ thống bằng cả hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử, tiến tới chỉ lưu trữ điện tử, trừ văn bản mật được xử lý, lưu trữ theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 15. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cá nhân có liên quan trong tham mưu, báo cáo đề xuất giải quyết hồ sơ, công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cá nhân có liên quan chịu

trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tham gia phối hợp, giải quyết công việc trong quá trình tham mưu, xử lý hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật, quy định của Quy chế này và theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp, phân công cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền, có năng lực chuyên môn tham gia trong quá trình soạn thảo hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi có đề nghị của cơ quan chủ trì, bảo đảm chất lượng, đúng thời hạn quy định, chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các nội dung tham gia phối hợp.

Điều 16. Quy trình xử lý hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đối với hồ sơ, công việc đã đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật, quy định tại Quy chế này thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền giải quyết hồ sơ, công việc.

2. Đối với hồ sơ, công việc cần giải trình, làm rõ các nội dung hoặc cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan giải trình, làm rõ, có ý kiến để tổng hợp, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền giải quyết hồ sơ, công việc.

3. Đối với hồ sơ, công việc chưa đầy đủ, không đúng thủ tục theo quy định của pháp luật, quy định tại Quy chế này hoặc không đúng thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công việc, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh làm việc trực tiếp với cơ quan trình để làm rõ lý do hoặc có văn bản trả lại hồ sơ cho cơ quan trình để hoàn thiện và báo cáo theo quy định. Trường hợp cần thiết, báo cáo xin ý kiến Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền xử lý hồ sơ, công việc có phương án chỉ đạo, giải quyết phù hợp với nội dung và tính chất của hồ sơ, công việc, tình hình thực tiễn của địa phương, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

5. Xem xét thông qua hồ sơ, công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Trường hợp hồ sơ, công việc đưa ra thảo luận và biểu quyết tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh, ngay sau khi kết thúc phiên họp, căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, hoàn thiện hồ sơ, công việc, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo lĩnh vực được phân công) xem xét, quyết định.

b) Trường hợp gửi phiếu ghi ý kiến, phiếu biểu quyết điện tử đến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh:

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi văn bản kèm theo toàn bộ hồ sơ đến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, ưu tiên xử lý trên môi trường điện tử để các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh biểu quyết, trừ trường hợp hồ sơ có nội dung thuộc bí mật nhà nước thì thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và một số trường hợp khác theo chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp quá nửa thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua và không còn ý kiến khác nhau, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ, công việc, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo lĩnh vực được phân công) xem xét, quyết định.

Trường hợp quá nửa thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua nhưng vẫn còn thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến khác nhau thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển ngay các ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đến cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì soạn thảo để tiếp thu, giải trình, hoàn thiện, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì soạn thảo có ý kiến bảo lưu, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc tổ chức họp với thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh còn có ý kiến khác nhau.

Trường hợp chưa được quá nửa thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển các ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đến cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì soạn thảo để tiếp tục xử lý, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 17. Quy trình xử lý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Quy trình xử lý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật bao gồm dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định sau:

1. Đăng ký xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: thực hiện theo Danh mục Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh

(đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất) và Chương trình Công tác năm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Đối với đăng ký bổ sung xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Các cơ quan, đơn vị gửi văn bản đề nghị Sở Tư pháp rà soát, tổng hợp, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung Danh mục nghị quyết;

b) Đối với đăng ký bổ sung xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận và giao cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản trong trường hợp đồng ý. Trường hợp không đồng ý với đăng ký xây dựng dự thảo Quyết định thì ban hành văn bản gửi cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị và nêu rõ lý do không đồng ý.

2. Xử lý hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với dự thảo văn bản đầy đủ hồ sơ, thủ tục, điều kiện trình và không còn ý kiến khác nhau thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát về quy trình, thủ tục, thẩm quyền xử lý và tham mưu tổng hợp về nội dung (sau đây gọi là ý kiến rà soát), trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

b) Đối với dự thảo văn bản chưa đủ hồ sơ, chưa đúng quy trình, thủ tục hoặc chưa rõ nội dung trình (chưa nêu rõ quan điểm, chính kiến) thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện theo quy định;

c) Đối với dự thảo văn bản đầy đủ hồ sơ, thủ tục, điều kiện trình nhưng còn ý kiến khác nhau về những vấn đề lớn thuộc nội dung của dự thảo:

Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì soạn thảo đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân còn có ý kiến khác nhau mà chưa thống nhất được thì Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được giao phụ trách chủ trì hoặc phân công Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì cuộc họp với đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì soạn thảo, Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan để thảo luận, làm rõ, thống nhất trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền.

Trường hợp không thống nhất ý kiến, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp đầy đủ ý kiến còn khác nhau, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách xem xét, quyết định.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách có ý kiến vào Phiếu trình giải quyết công việc.

3. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Quy chế này.

4. Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ, chất lượng, thời hạn trình hồ sơ. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các hồ sơ quá hạn hoặc không bảo đảm chất lượng.

Điều 18. Phân luồng, tiếp nhận và xử lý công việc giữa Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan hành chính khác trực thuộc trình trực tiếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (không trình trực tiếp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) đối với các nội dung sau đây:

a) Hướng dẫn, giải thích, áp dụng quy định pháp luật; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý ngành;

b) Giải quyết thủ tục hành chính, hồ sơ chuyên ngành thuộc thẩm quyền của sở, ban, ngành;

c) Các kiến nghị, đề xuất, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên;

d) Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ động xem xét, giải quyết hoặc hướng dẫn thực hiện theo thẩm quyền; trường hợp nội dung vượt thẩm quyền thì kịp thời tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc chỉ đạo xử lý theo quy định, bảo đảm không phát sinh văn bản giao việc không cần thiết.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan hành chính khác trình trực tiếp Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các nội dung sau đây:

a) Nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Nội dung liên quan từ hai ngành, lĩnh vực trở lên hoặc cần sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chủ trương, cơ chế, chính sách mới; điều chỉnh lớn về kế hoạch, đầu tư, ngân sách, tổ chức bộ máy;

d) Các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở nội dung trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý trực tiếp hoặc giao các sở, ban, ngành chủ trì tham mưu theo quy định.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, phân luồng hồ sơ, công việc ngay từ đầu; tham mưu hướng xử lý đúng thẩm quyền; hướng dẫn điều chỉnh đối với các trường hợp trình không đúng thẩm quyền, góp phần giảm văn bản giao việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Phát hành, công bố các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm phát hành các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ký; bảo đảm đúng địa chỉ, đúng thủ tục, trường hợp văn bản mật thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có liên quan trực tiếp đến giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của công dân phải được thông báo đến công dân.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, văn bản hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phải đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; kịp thời cập nhật vào hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Chính phủ, trừ văn bản có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc gửi văn bản trên hệ thống thông tin điện tử Chính phủ và cập nhật vào hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương IV
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 20. Các loại chương trình công tác

1. Chương trình công tác bao gồm chương trình công tác năm, quý, tháng và tuần.

2. Nội dung chương trình công tác

a) Chương trình công tác năm gồm nội dung các phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh và danh mục các báo cáo, đề án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề cần trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong năm;

Nội dung đưa vào chương trình công tác năm bao gồm:

- Những vấn đề thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tập thể theo quy định của pháp luật;

- Các vấn đề cần trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Các đề án, dự án, vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến chủ trương quan trọng tác động lớn đến phát triển đến kinh tế - xã hội;

- Vấn đề quan trọng khác theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chương trình cộng tác quý bao gồm: nội dung các phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh và danh mục báo cáo, đề án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề cần trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong quý;

c) Chương trình công tác tháng bao gồm: nội dung phiên họp thường kỳ và đột xuất (nếu có) của Ủy ban nhân dân tỉnh và danh mục các báo cáo, đề án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các vấn đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chương trình công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong tháng;

d) Chương trình công tác tuần của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm: các hoạt động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo từng ngày trong tuần.

Điều 21. Trách nhiệm của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh trong xây dựng, thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền chỉ đạo việc xây dựng và triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chương trình công tác thuộc phạm vi, lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình công tác đối với các hồ sơ, công việc do cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chủ trì thực hiện; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện chương trình công tác đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ, phù

hợp với yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện chương trình công tác, trường hợp không hoàn thành, tiến độ chậm so với yêu cầu hoặc có nội dung cần điều chỉnh kịp thời thì phải giải trình rõ lý do.

Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định; phối hợp tham gia khi có đề nghị, phù hợp với quy định tại Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, theo dõi, đôn đốc thực hiện.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan quản lý chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng, ban hành, điều chỉnh, đôn đốc và tổ chức thực hiện chương trình công tác, bảo đảm khả thi, phù hợp với yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác và định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh. Khi có sự điều chỉnh chương trình công tác, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải thông báo kịp thời cho các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan biết.

Điều 22. Căn cứ xây dựng chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. **C**hương trình công tác năm, quý, tháng, tuần của Ủy ban nhân dân tỉnh được xây dựng trên cơ sở chương trình làm việc, chỉ đạo, kết luận của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; đề xuất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền chấp thuận; yêu cầu thực tiễn chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền.

2. Chương trình công tác tuần được xây dựng trên cơ sở chương trình công tác tháng và yêu cầu thực tiễn chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền.

Điều 23. Trình tự xây dựng chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chương trình công tác năm:

a) Chậm nhất vào ngày 01 tháng 11 hàng năm, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục những đề án, dự thảo văn bản cần trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong năm tới. Danh mục phải thể hiện rõ: tên đề án, văn bản dự thảo, cơ quan có thẩm quyền quyết định, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp soạn thảo, thời hạn trình;

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, xây dựng dự thảo chương trình công tác năm của Ủy ban nhân dân tỉnh; trong thời hạn 05 ngày làm việc, gửi lại cho các cơ quan, tổ chức có liên quan để tham gia ý kiến;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức phải có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để hoàn chỉnh dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ cuối năm;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua chương trình công tác năm, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định việc ban hành và gửi các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

2. Chương trình công tác quý:

a) Trong tháng cuối của mỗi quý, các cơ quan, tổ chức phải đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác quý đó, rà soát lại các vấn đề cần trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vào quý tiếp theo đã ghi trong chương trình năm và bổ sung các vấn đề mới phát sinh để xây dựng chương trình công tác quý sau. Chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối quý, các cơ quan, tổ chức gửi dự kiến chương trình quý sau cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, xây dựng dự thảo chương trình công tác quý của Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối quý, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải gửi chương trình công tác quý sau cho các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

3. Chương trình công tác tháng:

a) Hàng tháng, các cơ quan, tổ chức căn cứ vào tiến độ chuẩn bị các đề án, văn bản dự thảo đã ghi trong chương trình công tác tháng, năm, những vấn đề tồn đọng, vấn đề phát sinh mới để xây dựng chương trình công tác tháng sau. Văn bản đề nghị phải gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 20 tháng liền trước;

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, xây dựng dự thảo chương trình công tác tháng của Ủy ban nhân dân tỉnh, có phân theo các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và từng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Chậm nhất là ngày 28 hàng tháng, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải gửi chương trình công tác tháng sau cho các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

4. Chương trình công tác tuần:

a) Căn cứ chương trình công tác tháng và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo chương trình công tác tuần của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và thông báo cho các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan biết **chậm nhất vào thứ sáu tuần trước**;

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi có yêu cầu làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để giải quyết công việc trong tuần, phải có văn bản đăng ký với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên phối hợp với Văn phòng cấp ủy tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh để xây dựng chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất.

6. Việc điều chỉnh chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và yêu cầu chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 24. Chuẩn bị các nội dung trong chương trình công tác

1. Căn cứ chương trình công tác năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan phải chủ động lập kế hoạch chuẩn bị đối với từng nội dung đã đăng ký, trong đó xác định rõ nội dung các công việc cần triển khai, cơ quan, đơn vị phối hợp, quy mô, thời gian, địa điểm thực hiện và gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, đôn đốc, bảo đảm tiến độ thực hiện.

Nếu cơ quan chủ trì muốn thay đổi các nội dung đã đăng ký thì báo cáo và phải được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với các nội dung trình Ủy ban nhân dân tỉnh có trong chương trình công tác năm, tháng: cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách ngành, lĩnh vực để xem xét, cho ý kiến, quyết định việc trình hoặc chưa trình ra phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh (trước phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh tối thiểu 07 ngày làm việc).

Điều 25. Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác

1. Hàng tháng, sáu tháng và hàng năm, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, kiểm điểm kết quả thực hiện các nhiệm vụ đã ghi trong chương trình công tác; thông báo với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiến độ, kết quả xử lý các hồ sơ, công việc do cơ quan, tổ chức mình chủ trì, các hồ sơ, công việc còn tồn đọng, hướng xử lý tiếp theo; đồng thời điều chỉnh, bổ sung các hồ sơ, công việc trong chương trình công tác thời gian tới.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc chuẩn bị các hồ sơ của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; định kỳ tháng, quý và hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả việc thực hiện chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương V
PHIÊN HỌP CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ CÁC CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 26. Phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Ủy ban nhân dân tỉnh họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết các nội dung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quy chế này và công việc phát sinh, đột xuất theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc theo yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc triệu tập, chuẩn bị, tổ chức họp và các nội dung khác liên quan đến phiên họp để giải quyết công việc phát sinh, đột xuất, được thực hiện như đối với phiên họp thường kỳ. Trường hợp khác, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trường hợp không tổ chức phiên họp, việc lấy ý kiến biểu quyết của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh bằng phiếu lấy ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc bằng hình thức điện tử trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung công việc cấp bách cần phải giải quyết ngay;

b) Nội dung công việc không cần thiết phải tổ chức thảo luận tập thể;

c) Hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và không có ý kiến khác nhau về nội dung hồ sơ, tài liệu.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh có thể họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật và Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc chấn chỉnh lề lối làm, nâng cao hoạt động của hệ thống chính trị; bảo đảm chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc, thiết thực, tiết kiệm thời gian, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc tổ chức họp.

4. Việc tổ chức họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hình thức, thành phần, nội dung, thời gian, địa điểm (nếu có) và hệ thống kỹ thuật sử dụng để tổ chức họp trực tuyến;

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu, gửi giấy mời và tài liệu họp điện tử đến các thành viên và đại biểu tham dự; bảo đảm đường truyền, thiết bị, hệ thống âm thanh, hình ảnh, bảo mật dữ liệu trong suốt thời gian họp;

c) Các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, các đại biểu, khách mời đăng nhập, kiểm tra kết nối, tham dự đầy đủ, phát biểu ý kiến; các thành viên Ủy ban nhân dân cấp biểu quyết theo quyền hạn; trường hợp vắng mặt phải báo cáo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý;

d) Trong quá trình họp, người chủ trì có quyền điều hành, kết luận, lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm lập biên bản điện tử, xác nhận kết quả biểu quyết và lưu trữ cùng với dữ liệu phiên họp trên hệ thống;

đ) Việc lưu trữ biên bản, dữ liệu hình ảnh, âm thanh và các tài liệu phát sinh trong phiên họp trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin và giá trị chứng cứ điện tử.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triệu tập và chủ tọa phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, điều hành một số nội dung của phiên họp.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì việc thảo luận từng nội dung theo lĩnh vực được phân công khi trình tại phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 27. Công tác chuẩn bị phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công chủ trì) quyết định nội dung, hình thức cuộc họp, thời gian, chương trình, thành phần khách mời.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra, tổng hợp các hồ sơ dự án, đề án, dự thảo văn bản, tài liệu trình ra phiên họp;

b) Chuẩn bị chương trình phiên họp, dự kiến thành phần họp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; chuẩn bị các điều kiện phục vụ phiên họp.

Chậm nhất 03 ngày làm việc, trước ngày phiên họp bắt đầu, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chính thức nội dung, chương trình, thời gian họp, thành phần tham dự phiên họp và thông báo cho các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các vấn đề trên;

c) Đôn đốc người đứng đầu cơ quan, đơn vị có đề án trình trong phiên họp gửi hồ sơ đề án và các văn bản liên quan;

d) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi giấy mời và tài liệu họp đến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và đại biểu được mời họp, ít nhất là 02 ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp đột xuất;

đ) Trường hợp thay đổi ngày họp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo ngay cho thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và các đại biểu được mời.

3. Các cơ quan, đơn vị chủ trì hồ sơ dự án, đề án, dự thảo văn bản, tài liệu có nhiệm vụ:

a) Đề xuất nội dung đưa vào phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh thường kỳ, định kỳ hàng tháng gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Các nội dung trình phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh phải đảm bảo đúng quy trình, thủ tục quy định; được Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực và các sở, ngành liên quan tổ chức làm việc, cho ý kiến thống nhất (trường hợp không tổ chức họp, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực phải có ý kiến cho phép trình nội dung tại phiên họp).

c) Chậm nhất 05 ngày làm việc, trước ngày phiên họp bắt đầu, cơ quan, đơn vị chủ trì hồ sơ dự án, đề án, dự thảo văn bản phải gửi tài liệu đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cho trình ra phiên họp đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Số lượng tài liệu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tại phiên họp do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 28. Thành phần dự phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh, nếu vắng mặt phải báo cáo và phải được Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công chủ trì) đồng ý.

Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời là người đứng đầu cơ quan quân sự, cơ quan công an, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh vì lý do bất khả kháng không thể dự họp có thể ủy quyền cho cấp phó của mình hoặc cá nhân có thẩm quyền dự họp thay nếu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công chủ trì) đồng ý và phải chịu trách nhiệm về ý kiến của người mình ủy quyền phát biểu trong phiên họp. Người dự họp thay được phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

2. Phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh tham dự.

3. Thành phần đại biểu khách mời tham dự phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

a) Bí thư Tỉnh ủy hoặc Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy (phiên họp thường kỳ Ủy ban nhân dân tỉnh cuối năm);

b) Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh được mời dự tất cả các phiên họp;

c) Đại diện Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại diện Lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh, đại diện Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh được mời khi bàn về các vấn đề liên quan;

d) Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; đại diện lãnh đạo một số doanh nghiệp có vốn nhà nước và các đại biểu khác được mời tham dự khi bàn về các vấn đề có liên quan;

e) Việc mời các đại biểu khách mời khác tham dự phiên họp được thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Đại biểu không phải là thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 29. Trình tự phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo nội dung, chương trình, thành phần dự họp.

2. Chủ trì điều hành phiên họp.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh thảo luận từng vấn đề theo trình tự:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì dự án, đề án, dự thảo văn bản trình bày tóm tắt dự án, đề án, dự thảo văn bản; nêu rõ những vấn đề cần xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh. Nếu vấn đề cần xin ý kiến đã được thuyết minh rõ trong tờ trình thì không phải trình bày thêm;

b) Các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh phát biểu ý kiến, thể hiện rõ tán thành hay không tán thành đối với từng nội dung. Các đại biểu được mời dự họp phát biểu đánh giá, nhận xét, cho ý kiến về dự án, đề án, dự thảo văn bản;

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì dự án, đề án, dự thảo văn bản phát biểu ý kiến tiếp thu và giải trình những điểm chưa nhất trí, những câu hỏi của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và các đại biểu dự họp;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì thảo luận kết luận và lấy biểu quyết. Nếu thấy vấn đề thảo luận chưa rõ, chủ tọa đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chưa thông qua dự án, đề án, dự thảo văn bản và yêu cầu chuẩn bị thêm.

4. Biểu quyết tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các vấn đề tại phiên họp bằng hình thức biểu quyết. Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh có quyền biểu quyết tán thành hoặc không tán thành;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây: Biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại phiên họp; tham gia ý kiến tại phiếu ghi ý kiến; phiếu biểu quyết điện tử hoặc bằng hình thức khác phù hợp với tình hình thực tiễn và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Chủ tọa phiên họp kết luận phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được đưa vào chương trình phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh, ngoài thực hiện các quy định tại điều này, trình tự họp thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 30. Biên bản phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc ghi biên bản phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh. Biên bản phải ghi đầy đủ nội dung các ý kiến phát biểu và diễn biến của phiên họp, ý kiến kết luận của chủ tọa phiên họp và kết quả biểu quyết.

2. Sau mỗi phiên họp, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thông báo kịp thời những quyết định, kết luận của chủ tọa phiên họp gửi các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, cho các ngành, các cấp, các tổ chức trong tỉnh về những vấn đề có liên quan; đồng thời, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban hành Thông cáo báo chí để cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cho các cơ quan báo chí.

Điều 31. Các hội nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hằng năm, 06 tháng, hàng quý hoặc khi cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan để triển khai và bàn biện pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và những nội dung, nhiệm vụ cấp bách, cần thiết khác.

2. Hội nghị chuyên đề được tổ chức triển khai hoặc sơ kết, tổng kết việc thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, các văn bản, cơ chế, chính sách lớn hoặc các công việc quan trọng trong chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nội dung, hình thức, thành phần, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chuẩn bị nội dung, báo cáo tại hội nghị theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Quy chế này và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 32. Cuộc họp, làm việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp, làm việc để xử lý công việc thường xuyên và những công việc phức tạp, cấp bách, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực. Trường hợp xét thấy cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực chủ trì cuộc họp, làm việc với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để xem xét, chỉ đạo giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Xây dựng lịch họp, làm việc theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Đôn đốc cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì chuẩn bị đầy đủ tài liệu họp, làm việc; gửi giấy mời và tài liệu họp, làm việc đến các thành phần được mời chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp, làm việc, trừ trường hợp đột xuất, đặc biệt;

c) Chuẩn bị báo cáo tổng hợp, kiến nghị và đề xuất giải quyết đối với những nội dung liên quan, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì họp, làm việc chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp, làm việc, trừ trường hợp đột xuất, đặc biệt;

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan chuẩn bị địa điểm, cơ sở vật chất, các điều kiện cần thiết phục vụ họp, làm việc, bảo đảm an ninh, an toàn cho cuộc họp;

đ) Ghi biên bản, khi cần thiết có thể ghi âm theo chỉ đạo của người chủ trì cuộc họp;

e) Trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày họp, làm việc, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thông báo kết luận, trừ trường hợp có ý kiến chỉ đạo khác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì dự án, đề án, dự thảo văn bản, nội dung họp, làm việc:

a) Chuẩn bị đầy đủ tài liệu họp, làm việc theo thông báo của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, phối hợp gửi tài liệu đến các đại biểu;

b) Chuẩn bị ý kiến giải trình về các vấn đề cần thiết liên quan đến nội dung họp, làm việc;

c) Sau cuộc họp, làm việc, hoàn chỉnh hồ sơ dự án, đề án, dự thảo văn bản, nội dung trình theo kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan:

a) Dự họp, làm việc đúng thành phần, trường hợp lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thể dự họp thì phải cử người đủ thẩm quyền dự họp, làm việc thay, báo cáo và được sự đồng ý của người chủ trì cuộc họp;

b) Phát biểu ý kiến về các vấn đề liên quan.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành cuộc họp, làm việc thảo luận, xử lý, giải quyết dứt điểm từng vấn đề công việc.

Điều 33. Cuộc họp giao ban của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh họp giao ban để xử lý công việc chuyên môn theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp cần thiết, theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh mời thêm cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì dự án, đề án, dự thảo văn bản hoặc có nội dung, thành phần có liên quan dự họp giao ban.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì cuộc họp giao ban. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vắng mặt, 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công chủ trì họp giao ban.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công chủ trì họp) quyết định ngày họp, nội dung họp giao ban.

3. Nội dung báo cáo tại cuộc họp giao ban phải được chuẩn bị đầy đủ, đã có ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, có sự đồng thuận cao và đã được lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách họp, cho ý kiến chỉ đạo.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền dự họp, báo cáo kết quả nội dung công việc theo nhiệm vụ được giao, các vấn đề cần xin ý kiến; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì hồ sơ dự án, đề án, dự thảo văn bản hoặc có nội dung dự họp thì cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì trực tiếp báo cáo.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Quy chế này.

6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì dự án, đề án, dự thảo văn bản hoặc có nội dung liên quan có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Quy chế này.

7. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Quy chế này.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành cuộc họp giao ban thảo luận, xử lý, giải quyết dứt điểm từng vấn đề công việc.

Điều 34. Cuộc họp, làm việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Mỗi năm ít nhất một lần, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh họp, làm việc với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình thực hiện chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách trên địa bàn, sự chấp hành chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Mỗi quý ít nhất một lần, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh họp, làm việc với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực mình phụ trách để kiểm tra, nắm tình hình, đôn đốc thực hiện chương trình công tác và chỉ đạo những vấn đề phát sinh đột xuất.

3. Khi cần thiết hoặc theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh họp, làm việc để bàn giải quyết các vấn đề liên quan đến các cơ quan, địa phương đó.

4. Các hình thức họp, làm việc quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp với trực tuyến hoặc bằng hình thức khác phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Quy chế này.

6. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Quy chế này.

7. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan được mời tham dự cuộc họp có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Quy chế này.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành cuộc họp thảo luận, xử lý, giải quyết dứt điểm từng vấn đề công việc.

Điều 35. Tổ chức họp của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã mời Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự họp và làm việc

Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã khi có nhu cầu mời Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự họp hoặc làm việc phải có văn bản đăng ký trước với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp chuẩn bị nội dung, bố trí lịch làm việc và phân công chuyên viên theo dõi, phục vụ. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp chuẩn bị nội dung, bố trí lịch làm việc và phân công chuyên viên theo dõi, phục vụ.

Đối với những vấn đề cấp bách, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để chủ động bố trí thời gian làm việc với cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương để kịp thời xử lý vấn đề phát sinh.

Điều 36. Cuộc họp do thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền chủ trì xử lý công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khi cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể ủy quyền cho một thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì họp xử lý công việc, dự án, đề án, dự thảo văn bản, nội dung trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trường hợp họp tại trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 32 Quy chế này. Trường hợp họp tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện phục vụ họp.

Điều 37. Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương các phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc

1. Các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm tham dự đúng thành phần, đúng thời gian, địa điểm các phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc; trường hợp vắng mặt thì phải ủy quyền cho cá nhân có thẩm quyền tham dự, báo cáo và phải được người chủ trì đồng ý. Người được ủy quyền có trách nhiệm tham dự đúng thời gian, địa điểm, tiếp thu và báo cáo lại người ủy quyền về nội dung phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc.

2. Đại biểu, khách mời tham dự có trách nhiệm sử dụng tài liệu theo đúng mục đích phục vụ phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc.

3. Các phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc có nội dung bí mật nhà nước phải bảo đảm các yêu cầu về nội dung, thành phần, địa điểm, điều kiện cần thiết, phương án bảo vệ và các quy định có liên quan khác về bảo vệ bí mật nhà nước. Đại biểu, khách mời tham dự có trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và yêu cầu của người chủ trì.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan tham dự phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc không đưa tin, truyền thông về các nội dung thảo luận trong phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc, trừ trường hợp thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người chủ trì.

5. Việc tổ chức phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc phải bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương chuyên nghiệp, hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Đổi mới, cải tiến phương thức họp theo hướng ngắn gọn, rõ nội dung, thiết thực, hiệu quả; tập trung thảo luận các vấn đề trọng tâm, không trình bày lại nguyên văn tài liệu đã gửi trước. Phát biểu tại phiên họp phải ngắn gọn, súc tích, đúng trọng tâm, bảo đảm chất lượng, hiệu quả phiên họp.

Chương VI
THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC, KIỂM TRA VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

Điều 38. Nguyên tắc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra

1. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên và có kế hoạch, có sự phối hợp, trách chồng chéo, trùng lắp.

2. Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra phải thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trên cơ sở quy định của pháp luật; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, chính xác, đúng pháp luật, không gây phiền hà và không

làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra.

3. Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo tác động tích cực trong chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Gắn với việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra văn bản, hồ sơ công việc và chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thực hiện liên thông từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đến các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 39. Phạm vi, đối tượng, hình thức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra

1. Phạm vi, đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra

a) Việc thi hành các văn bản của Đảng, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương; của cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động chỉ đạo điều hành của hệ thống hành chính nhà nước ở địa phương;

b) Việc thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo, điều hành, xử lý giải quyết công việc.

2. Các hình thức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra:

a) Qua hệ thống thông tin điện tử và theo dõi nhiệm vụ;

b) Qua báo cáo định kỳ hoặc đột xuất;

c) Qua làm việc trực tiếp theo kế hoạch được duyệt hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý nhà nước;

d) Qua việc thành lập đoàn kiểm tra và Tổ công tác theo dõi, đôn đốc;

đ) Qua các hình thức khác phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý nhà nước và việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định.

Điều 40. Thẩm quyền theo dõi, đôn đốc, kiểm tra

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra toàn diện việc thi hành các văn bản của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương, các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, các quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và việc thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra việc thi hành các văn bản của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý nhà nước và công việc theo phạm vi, lĩnh vực, cơ quan, địa bàn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công; các thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tại phiên họp giao ban Ủy ban nhân dân tỉnh thường kỳ.

4. Thanh tra tỉnh theo phạm vi, trách nhiệm của mình có trách nhiệm tổ chức thanh tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách.

5. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi quản lý tại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách.

6. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tự kiểm tra việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý nhà nước và việc thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan, tổ chức, địa phương mình thực hiện. Định kỳ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách kết quả thực hiện nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý và giải trình, kiểm điểm trách nhiệm đối với những công việc, nhiệm vụ thực hiện không bảo đảm tiến độ, chất lượng trong thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách tình hình theo dõi việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý.

Điều 41. Báo cáo kết quả kiểm tra

1. Khi kết thúc kiểm tra, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra phải báo cáo kết quả với cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định; nếu phát hiện có sai phạm thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Định kỳ hàng quý, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách tình hình kiểm tra việc thi hành các văn bản thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình kiểm tra việc thi hành văn bản tại phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh vào cuối quý.

Chương VII
TIẾP KHÁCH, ĐI CÔNG TÁC

Điều 42. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp khách trong nước

tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp xã giao, gặp mặt các đoàn đại biểu, khách đến thăm, làm việc tại địa phương trong các trường hợp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp mời hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

b) Tiếp khách theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị tỉnh và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

c) Tiếp theo đề nghị của khách;

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi có nhu cầu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp khách phải có văn bản đề nghị gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ít nhất 03 ngày làm việc, trước ngày dự kiến tiếp; văn bản nêu rõ nội dung, hình thức cuộc tiếp, số lượng khách, thời gian và địa điểm tiếp và kèm theo các hồ sơ, tài liệu cần thiết về: nội dung, thời gian, thành phần, hoạt động của khách tại địa bàn và các đề xuất, kiến nghị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chủ trì mời phải phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị nội dung buổi tiếp và tổ chức buổi tiếp đạt hiệu quả.

a) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị tiếp khách của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; thông báo kịp

thời ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan biết, đồng thời đưa vào Chương trình công tác tuần của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý;

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chuẩn bị nội dung cuộc tiếp. Trường hợp cần thiết, theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chuẩn bị một số nội dung cụ thể của cuộc tiếp; hợp cần thiết mời các cơ quan truyền hình, báo chí dự để đưa tin về cuộc tiếp;

d) Phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan tổ chức phục vụ và bảo đảm an toàn cho cuộc tiếp; tổ chức triển khai thực hiện các công việc cần thiết sau cuộc tiếp.

Điều 43. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp khách nước ngoài

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp khách nước ngoài, gồm các hình thức: tiếp xã giao, tiếp làm việc theo giới thiệu của các cơ quan trung ương, đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong tỉnh và đề nghị trực tiếp của khách với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi có nhu cầu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp các đối tác nước ngoài của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thì phải có văn bản đề nghị nêu rõ nội dung và hình thức cuộc tiếp, thành phần và thông tin tóm tắt thành viên trong đoàn, chương trình hoạt động của khách tại địa phương và các vấn đề liên quan khác. Trường hợp có đề xuất, kiến nghị thì gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ít nhất 03 ngày làm việc, trước ngày dự kiến tiếp.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 42 Quy chế này.

4. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch tiếp khách nước ngoài phải báo cáo bằng văn bản về thành phần khách, nội dung và thời gian dự kiến tiếp, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, theo dõi.

5. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong tỉnh thực hiện đúng quy định về quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại và các chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đảm bảo yêu cầu về nghi lễ đối ngoại; bố trí phương tiện đi lại, nơi ăn, nghỉ, tặng phẩm theo quy định hiện hành.

Điều 44. Chế độ đi công tác

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ủy viên của Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải dành thời gian đi công tác cơ sở để kiểm tra, nắm tình hình triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các quyết định, chỉ thị, các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; gặp gỡ tiếp xúc, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân; nắm tình hình ở cơ sở để kịp thời chỉ đạo và đề xuất những giải pháp giúp địa phương, cơ sở khắc phục khó khăn, vướng mắc.

Tùy nội dung chuyến công tác để tổ chức hình thức đi công tác cho phù hợp, bảo đảm thiết thực và tiết kiệm.

2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đi công tác cơ sở phải có kế hoạch trước. Trường hợp đi công tác, làm việc với các địa phương khác và các bộ, ngành trung ương thì phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ủy viên của Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đi công tác nước ngoài phải thực hiện đúng quy định về quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại và các chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đảm bảo yêu cầu về nghi lễ ngoại giao.

4. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khi đi công tác nước ngoài phải báo cáo bằng văn bản và chỉ đi khi được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đi công tác theo sự chỉ đạo hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, khi về phải kịp thời báo cáo kết quả làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách địa bàn, lĩnh vực.

6. Trong thời gian Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh họp, các thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh không bố trí đi công tác, trừ trường hợp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý.

7. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiệm vụ:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch đi thăm và làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở trong địa phương của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở có liên quan biết chương trình, kế hoạch các cuộc thăm và làm việc chính

thức của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, cân đối chương trình đi công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền để bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, trùng lắp;

c) Theo dõi tình hình đi công tác của các thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chương trình, kế hoạch đi công tác nước ngoài, bảo đảm thực hiện đúng quy định về quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại và các chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đảm bảo yêu cầu về nghi lễ ngoại giao; bố trí phương tiện đi lại, nơi ăn, nghỉ, tặng phẩm theo quy định hiện hành.

Chương VIII
THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 45. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; công khai tiến độ, kết quả giải quyết để Nhân dân biết, giám sát. Định kỳ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh họp với các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan để giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí, những vụ việc khiếu kiện tồn đọng kéo dài, phức tạp, đông người, vượt cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải có lịch tiếp công dân; phối hợp chặt chẽ với Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức tiếp công dân. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đi vắng hoặc bận công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp công dân.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền) tham gia quá trình giải quyết các vụ án hành chính theo yêu cầu của Tòa án.

Điều 46. Trách nhiệm của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch của các ngành, các đơn vị, địa phương; kết luận và có quyết định giải quyết triệt để các vụ việc khiếu nại, tố cáo.

2. Giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật những khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; tôn trọng, lắng nghe ý kiến của công dân để cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, cho ý kiến về các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh khi được các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã xin ý kiến.

4. Tổ chức tiếp công dân theo đúng quy định tại Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật tố cáo và các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Khi có công dân khiếu kiện đông người tụ tập tại các cơ quan cấp tỉnh và Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công dân khiếu kiện phải chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức đưa công dân về địa phương để chỉ đạo đối thoại, giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra tỉnh

1. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Khi phát hiện quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới, phải yêu cầu người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy

ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ban hành quyết định, kết luận đó giải quyết lại hoặc báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trực tiếp thanh tra theo kế hoạch, hướng dẫn các sở, cơ quan ngang sở, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện các quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng và xử lý sau thanh tra.

4. Hàng quý báo cáo tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trong địa phương; ưu điểm, nhược điểm trong công tác thanh tra, tổ chức tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, các giải pháp khắc phục, kiến nghị biện pháp xử lý.

Điều 48. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sắp xếp, bố trí lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết những khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

3. Theo dõi, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện quyết định, chỉ thị, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Trả lời cho các đương sự có đơn, thư khiếu nại, tố cáo khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền. Việc ủy quyền trả lời không bao gồm quyền thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo.

5. Chỉ đạo Ban Tiếp công dân tỉnh tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo tỉnh tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh và cơ quan có liên quan đến các vụ án hành chính do các đương sự khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và xếp lịch để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch tỉnh tham gia quá trình tố tụng theo quy định.

Điều 49. Tổ chức tiếp công dân của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí địa điểm tiếp công dân; bố trí cán bộ, công chức có trình độ, năng lực và sự hiểu biết về pháp luật để làm nhiệm vụ tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân.

2. Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng các quy định, thủ tục về tiếp

công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình của địa phương; tổ chức thực hiện tốt việc tiếp công dân.

Chương IX
CÔNG TÁC THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 50. Trách nhiệm thông tin, báo cáo

1. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Định kỳ báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương và các báo cáo chuyên đề, đột xuất theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời, gửi các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Ủy quyền cho Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo hàng tháng về sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, tình hình nổi bật trong tháng gửi Văn phòng Chính phủ, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức việc cung cấp thông tin hàng ngày và hàng tuần phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc thường xuyên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm: các vấn đề quan trọng do các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các thông tin nổi bật trong tuần về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng tại địa phương;

b) Phối hợp trao đổi thông tin với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan; tham dự các cuộc giao ban hàng tuần;

c) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và tổ chức khai thác thông tin khác phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, dự thảo các báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm, tổng kết nhiệm kỳ; báo cáo chuyên đề; báo cáo đột xuất được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

đ) Tổ chức cập nhật vào hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh các báo cáo, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, thông tin chỉ đạo, điều hành, chương trình công tác, các hoạt động thường ngày của Ủy ban nhân dân tỉnh theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Tổ chức việc điểm báo hàng ngày gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để các cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan xử lý các vấn đề báo chí nêu; theo dõi kiểm tra và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả xử lý của các cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Củng cố, tăng cường hệ thống thông tin nội bộ để giúp lãnh đạo cơ quan, tổ chức, địa phương nắm được tình hình, công việc chủ yếu diễn ra hàng ngày trong toàn ngành, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách;

b) Gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 06 tháng, hàng năm, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất.

Thời hạn gửi các báo cáo định kỳ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phù hợp với quy định của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo;

c) Chuẩn bị các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh trình cơ quan cấp trên theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Thường xuyên trao đổi thông tin với các cơ quan chuyên môn, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã về các vấn đề có liên quan. Thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định và khi có yêu cầu phối hợp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.

4. Sở Tài chính ngoài các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này, có trách nhiệm xây dựng và trình tại phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, 6 tháng, hàng năm.

Điều 51. Thông tin về hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương cho Nhân dân

1. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Thực hiện chế độ thông tin cho Nhân dân thông qua các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh trước Hội đồng nhân dân cùng cấp, Đoàn đại biểu Quốc hội; trả lời các chất vấn, kiến nghị của cử tri, của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; trả lời phỏng vấn của cơ quan thông tin đại chúng;

b) Tổ chức họp báo, thường xuyên thông tin cho các cơ quan thông tin đại chúng và nhân dân về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và về các chế độ, chính sách mới ban hành, các văn bản về việc thực hiện các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

2. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Chuẩn bị nội dung và tài liệu cần thiết cho các cuộc họp báo định kỳ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tin đại chúng về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng các địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức công bố, phát hành rộng rãi các văn bản, các quy định, chính sách do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của công dân ở địa phương;

d) Chủ trì, phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; cập nhật thông tin vào trang thông tin của cơ quan, tổ chức, địa phương trên mạng Internet để đưa tin, tuyên truyền, phổ biến tình hình mọi mặt của cơ quan, tổ chức, địa phương.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thông tin đại chúng tiếp cận kịp thời nguồn thông tin chính xác về các sự kiện xảy ra trong ngành, lĩnh vực quản lý tại địa phương;

b) Trả lời phỏng vấn của cơ quan thông tin đại chúng hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đưa tin để cơ quan thông tin đại chúng đăng bài, phát tin tuyên truyền cho công tác của cơ quan, tổ chức; đề nghị cải chính những nội dung đăng, phát tin sai sự thật;

c) Tăng cường quản lý công tác thông tin, báo chí chuyên ngành; không để lộ lọt các thông tin có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách;

d) Thông báo công khai về tình hình thu và sử dụng các quỹ có huy động đóng góp của Nhân dân.

Điều 52. Truyền thông tin trên hệ thống thông tin điện tử

1. Các văn bản sau đây phải được đăng trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành;

b) Các văn bản của Đảng, Nhà nước về chủ trương, chính sách mới, các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh soạn thảo gửi để lấy ý kiến, góp ý hoàn chỉnh nội dung văn bản;

c) Các văn bản hành chính, các báo cáo, biểu mẫu và văn bản khác được Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định;

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm khai thác và phổ biến những thông tin trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, các văn bản quy phạm pháp luật, các báo cáo và các thông tin liên quan khác để phục vụ có hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ trao đổi thông tin qua hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; thường xuyên theo dõi thông tin trên hệ thống thông tin điện tử để kịp thời nhận văn bản chỉ đạo điều hành và các thông tin do Ủy ban nhân dân tỉnh gửi để quán triệt và thực hiện.

4. Các cơ quan, đơn vị chủ động, tích cực trong việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 1: Mẫu Phiếu biểu quyết Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHIẾU BIỂU QUYẾT CỦA THÀNH VIÊN UBND TỈNH

I. NỘI DUNG LẤY BIỂU QUYẾT

1. Nội dung:

……. ….

……. ….

……. ….

2. Các hồ sơ, tài liệu kèm theo:

……. ……
……. ……
……. ……
……

II. BIỂU QUYẾT CỦA THÀNH VIÊN UBND TỈNH (đồng ý ban hành; không đồng ý ban hành; ý kiến khác):

……. ……

……. ……

……. ……

……. ……

……. ……

……. ……

Nghệ An, ngày tháng năm
THÀNH VIÊN UBND TỈNH
(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2: Mẫu Phiếu trình giải quyết công việc của Văn phòng UBND tỉnh

UBND TỈNH NGHỆ AN
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC (lần …..)

Kính gửi:
- Đ/c ……..…;
- Đ/c ……...

- **Vấn đề trình:** ……..
- **Cơ quan trình:** ……
- **Tài liệu kèm theo: ……..**

<table>
<tr>
<td rowspan="3">I. Tóm tắt nội dung công việc:
……
……

II. Ý kiến của Chuyên viên:
……
……

Chuyên viên
(Ngày ...../…../..…)</td>
<td>Ý kiến của Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh
(Ngày ...../…../..…)
- Đồng ý với nội dung trình: ☐
- Ý kiến khác:</td>
</tr>
<tr>
<td>Ý kiến của Đ/c ……, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
(Ngày ...../…../..…)
- Đồng ý với nội dung trình: ☐
- Ý kiến khác:</td>
</tr>
<tr>
<td>Ý kiến của Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh
(Ngày ...../…./..…)
- Đồng ý với nội dung trình: ☐
- Ý kiến khác:</td>
</tr>
</table>

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07/2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 23 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phân cấp một số nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BCT ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 356/TTr-SCT ngày 30/01/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định phân cấp một số nhiệm vụ trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này phân cấp một số nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 76 Luật

Điện lực số 61/2024/QH15 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các Sở, Ban, ngành có liên quan;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Phân cấp cho Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn

1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ quy định tại khoản 5 Điều 44 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Cấp phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017.

3. Cho phép gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý ngoại thương theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương.

4. Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017.

Điều 3. Phân cấp cho UBND cấp xã có công trình thủy điện trên địa bàn

Thực hiện thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện; phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với các công trình thủy điện trên địa bàn 01 xã (không áp dụng đối với công trình thuỷ điện Hủa Na) *(Có phụ lục kèm theo).*

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan được phân cấp

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các nội dung được phân cấp tại Quyết định này.

2. Theo dõi, kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp tại Quyết định này, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả.

3. Công khai các nội dung được phân cấp cho các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện; bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

4. Báo cáo định kỳ 6 tháng (trước ngày 30 tháng 6), năm (trước ngày 31 tháng

12) hoặc báo cáo đột xuất kết quả thực hiện các nội dung phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền để theo dõi, tổng hợp và chỉ đạo.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 3 năm 2026.

Các nội dung tại Điều 2 Quyết định này có hiệu lực đến ngày 01/3/2027, trừ trường hợp quy định của pháp luật về nội dung liên quan có thay đổi.

2. Các nội dung quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 1 Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Nghệ An thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phùng Thành Vinh

Phụ lục

DANH SÁCH CÁC XÃ ĐƯỢC PHÂN CẤP QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 3

(Kèm theo Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Các xã có công trình thủy điện trên địa bàn được phân cấp	Tên công trình thủy điện	Ghi chú
1	Xã Thông Thụ	Thủy điện Đồng Văn	Không phân cấp đối với Thủy điện Hủa Na
2	Xã Quế Phong	Thủy điện Bản Cốc Thủy điện Nậm Giải	
3	Xã Tiền Phong	Thủy điện Sao Va	
4	Xã Mường Xén	Thủy điện Nậm Mô	
5	Xã Tam Thái	Thủy điện Xoỏng Con	
6	Xã Tương Dương	Thủy điện Bản Ang	
7	Xã Nậm Cắn	Thủy điện Ca Lôi	
8	Xã Châu Khê	Thủy điện Khe Thơi Thủy điện Suối Choang	
9	Xã Na Ngoi	Thủy điện Ca Nan 1	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08/2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 09 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phân cấp một số nhiệm vụ tư pháp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cho Sở Tư pháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12;

Căn cứ Luật Công chứng số 14/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/ 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;

Căn cứ Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 458 /TTr-STP ngày 25/02/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định phân cấp một số nhiệm vụ tư pháp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cho Sở Tư pháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân cấp một số nhiệm vụ tư pháp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cho Sở Tư pháp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Tư pháp;

b) Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung phân cấp

1. Lĩnh vực công chứng

a) Thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân;

b) Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh;

c) Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh;

d) Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng;

đ) Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân;

e) Thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng.

2. Lĩnh vực Thừa phát lại

a) Thành lập Văn phòng Thừa phát lại;

b) Chuyển đổi loại hình Văn phòng Thừa phát lại;

c) Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại;

d) Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại.

3. Lĩnh vực Nuôi con nuôi

a) Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi;

b) Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài;

c) Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

d) Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng.

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục và quy trình thủ tục hành chính nội bộ liên quan đến nội dung được phân cấp theo quy định hiện hành.

2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung được phân cấp theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/3/2026.

Bãi bỏ Quyết định số 4255/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các thủ tục hành chính quy định tại Điều 2 Quyết định này đã tiếp nhận hoặc đang trong quá trình giải quyết thì tiếp tục thực hiện theo trình tự, thủ tục trước ngày Quyết định này có hiệu lực./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phùng Thành Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 09 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Sửa đổi khoản 3 Điều 2 Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 454/TTr-STP ngày 25/02/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định sửa đổi khoản 3 Điều 2 Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Sửa đổi khoản 3 Điều 2 Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

"3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật của doanh nghiệp nhỏ và vừa được tư vấn, trong đó cung cấp thông tin mã số thuế, số tài khoản ngân hàng của đơn vị thụ hưởng (theo mẫu phụ lục kèm theo);

b) Bản chính Văn bản tư vấn pháp luật, bao gồm 01 bản đầy đủ và 01 bản đã loại bỏ các thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp".

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phùng Thành Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11/2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 09 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục địa bàn cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã, phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã, phường khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh bổ sung danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 455/TTr-STP ngày 25/02/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định ban hành Danh mục địa bàn cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Ban hành Danh mục các xã được thành lập Văn phòng công chứng tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Nghệ An (*có Danh mục kèm theo*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã, Công chứng viên có đề án thành lập văn phòng công chứng, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2026.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phùng Thành Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
ĐỊA BÀN CẤP XÃ ĐƯỢC THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 09/3/2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

Danh mục các xã (51 xã), gồm: Xã Mường Xén; Xã Hữu Kiệm; Xã Nậm Cắn, Xã Chiêu Lưu; Xã Na Loi; Xã Mường Típ; Xã Na Ngoi; Xã Mỹ Lý; Xã Bắc Lý; Xã Keng Đu; Xã Huồi Tụ; Xã Mường Lống; Xã Tương Dương; Xã Tam Quang; Xã Tam Thái; Xã Lượng Minh; Xã Yên Na; Xã Yên Hòa; Xã Nga My; Xã Hữu Khuông; Xã Nhôn Mai; Xã Con Cuông; Xã Môn Sơn; Xã Châu Khê; Xã Cam Phục; Xã Mậu Thạch; Xã Bình Chuẩn; Xã Anh Sơn Đông; Xã Thành Bình Thọ; Xã Sơn Lâm; Xã Tiên Đồng; Xã Giai Xuân; Xã Nghĩa Hành; Xã Quế Phong; Xã Thông Thụ; Xã Tiền Phong; Xã Mường Quàng; Xã Tri Lễ; Xã Quỳ Châu; Xã Châu Tiến; Xã Hùng Chân; Xã Châu Bình; Xã Quỳ Hợp; Xã Minh Hợp; Xã Châu Lộc; Xã Mường Ham; Xã Tam Hợp; Xã Mường Chọng; Xã Châu Hồng; Xã Nghĩa Thọ; Xã Quỳnh Thắng..

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12/2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 09 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch từ Ủy ban nhân dân cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 và Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025);

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 456 /TTr-STP ngày 25/02/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch từ Ủy ban nhân dân cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch đối với bất động sản từ Ủy ban nhân dân các xã, phường: Thành Vinh, Trường Vinh, Vinh Lộc, Cửa Lò, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Hưng Nguyên, Đô Lương sang các tổ chức hành nghề công chứng, trừ các giao dịch sau:

a) Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực trước khi Quyết định này có hiệu lực;

b) Các giao dịch liên quan thừa kế.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An; người

yêu cầu công chứng, chứng thực và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân các xã, phường nêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này không còn thẩm quyền chứng thực giao dịch đối với bất động sản, trừ các trường hợp đã tiếp nhận hồ sơ yêu cầu chứng thực giao dịch trước thời điểm quyết định chuyển giao có hiệu lực.

2. Đối với các địa bàn cấp xã chưa được chuyển giao thẩm quyền chứng thực hoặc các việc chứng thực không được chuyển giao thì cá nhân, tổ chức có quyền lựa chọn công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tư pháp theo dõi, kiểm tra kết quả việc thực hiện chuyển giao tại Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện việc chuyển giao có trách nhiệm thông báo việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch sang tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương.

3. Các tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm tiếp nhận, thực hiện việc công chứng theo đúng quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu cầu của tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2026.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phùng Thành Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13/2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 09 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1233/TTr-SXD ngày 12 tháng 2 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân các cấp).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường; Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam;

2. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị;

3. Cơ quan chủ trì tổng hợp là Sở Tài chính (đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư) và Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 4. Quy trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư

a) Trường hợp dự án thuộc chuyên ngành, phạm vi quản lý của một cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thì cơ quan đó thẩm định các nội dung thuộc thẩm quyền và nội dung của người quyết định đầu tư (trừ nội dung thẩm định của Sở Tài chính). Quy trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

b) Trường hợp dự án thuộc chuyên ngành, phạm vi quản lý đồng thời của nhiều cơ quan được giao quản lý xây dựng thì trình thẩm định tại một cơ quan theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Quy trình thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thực hiện thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành quản lý trong thời gian 05 ngày. Cơ quan được lấy ý kiến thẩm định có trách nhiệm thông báo kết quả thẩm định các nội dung theo chuyên ngành quản lý về cơ quan thực hiện thẩm định trong thời gian 21 ngày đối với dự án nhóm A, 15 ngày đối với dự án nhóm B, 9 ngày đối với dự án nhóm C;

c) Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định về nguồn vốn, khả năng cân đối vốn thực hiện dự án, tiến độ thực hiện dự án và phân kỳ đầu tư (nếu có), hiệu quả về kinh tế - xã hội; tổng hợp chi phí đền bù giải phóng mặt bằng vào tổng mức đầu tư dự án; chủ trì tổng hợp kết quả thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư. Đối với các dự án đầu tư công khẩn cấp, Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh việc thực hiện tại kỳ họp gần nhất.

2. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư

a) Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định các nội dung thuộc thẩm quyền và các nội dung của người quyết định đầu tư; quy trình thẩm định theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

b) Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì tổng hợp kết quả thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 5. Quy trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Quy trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được thực hiện như quy trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Đối với các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chủ trì thẩm định trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc.

Điều 6. Quy trình điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Việc điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Quy trình thẩm định điều chỉnh thực hiện tương tự theo quy trình tại Điều 4, Điều 5 Quy định này.

Điều 7. Quy trình phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đủ điều kiện và phù hợp với các quy định hiện hành, cơ quan chủ trì tổng hợp có trách nhiệm tổng hợp trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

2. Người quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt dự án trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ và đề nghị của cơ quan chủ trì.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ và chuyên ngành, phạm vi quản lý thực hiện việc thẩm định, thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đảm bảo đúng quy định.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phát huy hiệu quả đầu tư.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Đảm bảo nhân lực và điều kiện cần thiết để cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ thẩm định, thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật;

b) Chủ động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định, thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng của tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ.

3. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Thực hiện thẩm định, thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo đúng thẩm quyền, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan phản hồi bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 9. **Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 03 năm 2026.

2. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàng Phú Hiền

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2026/QĐ-CTUBND	*Nghệ An, ngày 09 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phân cấp một số nhiệm vụ tư pháp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho Sở Tư pháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Luật sư số 20/2012/QH13;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12;

Căn cứ Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14;

Căn cứ Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/ 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 459/TTr-STP ngày 25/02/2026;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định phân cấp một số nhiệm vụ tư pháp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho Sở Tư pháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân cấp một số nhiệm vụ tư pháp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho Sở Tư pháp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Tư pháp;

b) Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung phân cấp

1. Lĩnh vực hộ tịch

Thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch, nội dung đăng ký hộ tịch do cơ quan đăng ký hộ tịch cấp, đăng ký trái quy định pháp luật.

2. Lĩnh vực nuôi con nuôi

Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.

3. Lĩnh vực đấu giá tài sản

a) Cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá;

b) Thu hồi chứng chỉ hành nghề đấu giá;

c) Cấp lại chứng chỉ hành nghề đấu giá.

4. Lĩnh vực quản lý luật sư

a) Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư;

b) Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư;

c) Cấp lại chứng chỉ hành nghề luật sư;

d) Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài.

5. Lĩnh vực công chứng

a) Bổ nhiệm công chứng viên;

b) Bổ nhiệm lại công chứng viên;

c) Miễn nhiệm công chứng viên;

d) Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài.

6. Lĩnh vực quản tài viên

a) Cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên;

b) Cấp lại chứng chỉ hành nghề quản tài viên;

c) Thu hồi chứng chỉ hành nghề quản tài viên.

7. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý

a) Bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý;

b) Miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý;

c) Cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý.

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục và quy trình thủ tục hành chính nội bộ liên quan đến nội dung được phân cấp theo quy định hiện hành.

2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung được phân cấp theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp về Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/3/2026.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các thủ tục hành chính quy định tại Điều 2 Quyết định này đã tiếp nhận hoặc đang giải quyết thì tiếp tục thực hiện theo trình tự, thủ tục trước ngày Quyết định này có hiệu lực./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phùng Thành Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/CT-UBND	*Nghệ An, ngày 09 tháng 01 năm 2026*

CHỈ THỊ
Về việc tổ chức thực hiện Tổng điều tra kinh tế năm 2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 2837/QĐ-BTC ngày 18/8/2025 và Quyết định số 4069/QĐ-BTC ngày 08/12/2025 về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2026; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 31/12/2026 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế năm 2026 tỉnh Nghệ An.

Tổng điều tra kinh tế năm 2026 (viết gọn là Tổng điều tra) được tiến hành trên phạm vi cả nước, có quy mô lớn, nội dung phức tạp, phạm vi điều tra rộng, kết quả điều tra nhằm đánh giá thực trạng các cơ sở kinh tế về số lượng, quy mô, lao động, kết quả sản xuất kinh doanh, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, cơ cấu và phân bố các cơ sở và lao động theo địa phương, theo ngành kinh tế, theo loại hình kinh tế và theo hình thức sở hữu để phục vụ công tác quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước, địa phương, phục vụ biên soạn các chỉ tiêu liên quan thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, nhất là chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) và các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê khác có liên quan của cả nước và của tỉnh.

Để cuộc Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh đạt kết quả cao, đảm bảo yêu cầu, chất lượng và hoàn thành đúng kế hoạch theo quy định, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Thống kê tỉnh - Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế năm 2026 tỉnh Nghệ An (viết gọn là Ban chỉ đạo tỉnh) chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2026 (viết gọn là Phương án), trong đó:

- Chủ động triển khai thực hiện Phương án theo đúng nội dung, yêu cầu. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và phần mềm thu thập thông tin cho thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ Thường trực Ban Chỉ đạo các cấp, đội ngũ điều tra viên, tổ trưởng, giám sát viên, đảm bảo thống nhất, chặt chẽ ngay từ khâu chuẩn bị đến khi tiến hành Tổng điều tra nhằm thu thập thông tin trung thực, chính xác và theo đúng kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy trình của cuộc Tổng điều tra; làm đầu mối theo dõi, đôn đốc và tổng hợp tình hình triển khai; định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương và UBND tỉnh, kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có).

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh phối hợp với Thống kê tỉnh, cung cấp thông tin liên quan đến nội dung Tổng điều tra. Lồng ghép nội dung tuyên truyền về Tổng điều tra trong các hoạt động, hội nghị, sinh hoạt đoàn thể; vận động đoàn viên, hội viên, cơ quan, đơn vị trực thuộc tích cực tham gia, hỗ trợ Tổng điều tra.

3. Công an tỉnh chỉ đạo Công an xã, phường phối hợp với cơ quan Thống kê bảo đảm công tác an ninh trật tự trong suốt thời gian diễn ra Tổng điều tra, đặc biệt chú trọng những địa bàn tập trung nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, địa bàn phức tạp về an ninh trật tự hoặc các địa bàn khác do cơ quan Thống kê đề xuất.

4. Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh: mở các đợt tuyên truyền, tăng cường phát sóng, đăng tải các phóng sự, tin, bài, hình ảnh, chuyên trang, chuyên mục về các hoạt động trong thời gian chuẩn bị và thực hiện Tổng điều tra đến các cấp, các ngành, các đơn vị điều tra và toàn thể Nhân dân.

5. UBND các xã, phường:

- Tăng cường chỉ đạo công tác Tổng điều tra trên địa bàn theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Tổ chức tuyên truyền đến các đơn vị kinh tế và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn để nhận thức được mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của cuộc Tổng điều tra; khuyến khích các đối tượng điều tra thực hiện nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo yêu cầu, tạo điều kiện thuận lợi cho điều tra viên, tổ trưởng, giám sát viên các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Quản lý lực lượng điều tra viên và tổ trưởng điều tra của địa phương đảm bảo đủ số lượng và chất lượng, hoàn thành thu thập thông tin đúng tiến độ theo kế hoạch và Phương án.

6. Người đứng đầu các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; lãnh đạo các doanh nghiệp, tổ hợp tác, ban quản lý chợ, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, hội, hiệp hội; các cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; chủ cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản,... trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực, chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn theo yêu cầu của điều tra viên hoặc cơ quan tiến hành Tổng điều tra; không được từ chối hoặc cản trở việc cung cấp thông tin điều tra thống kê.

7. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường quán triệt tầm quan trọng của cuộc Tổng điều tra, xác định

đây là nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, đơn vị trong suốt quá trình triển khai; chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp để bảo đảm cuộc Tổng điều tra hoàn thành đúng tiến độ, đúng quy định và bảo đảm chất lượng.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cá nhân liên quan nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Bùi Thanh An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/CT-UBND	*Nghệ An, ngày 13 tháng 01 năm 2026*

CHỈ THỊ
Về việc tổ chức Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm

Thực hiện Chỉ thị số 55-CT/TW ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ban Bí thư về việc tổ chức Tết Bính Ngọ năm 2026; Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; Công văn số 454-CV/TU ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thường trực Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 55-CT/TW của Ban Bí thư;

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung tại Chỉ thị số 55-CT/TW ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ban Bí thư; Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 454-CV/TU ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thường trực Tỉnh ủy. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống.

- Thực hiện tốt công tác quản lý và tổ chức lễ hội theo quy định, bảo đảm các hoạt động văn hóa, lễ hội, vui xuân, kỷ niệm ngày truyền thống, gặp mặt, hội nghị, tổng kết, Tết trồng cây,... thiết thực, văn minh, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí, phù hợp với truyền thống văn hóa và phong tục tập quán. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 96 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam gắn với các hoạt động vui Xuân, đón Tết lành mạnh, vui tươi.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo đảm người dân đón Tết vui tươi, an toàn. Theo dõi sát diễn biến tình hình giá cả, thị trường; bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, dịch vụ; kiểm tra, giám sát chặt chẽ, bảo đảm an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, quan tâm, hỗ trợ, thăm hỏi, động viên, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc miền núi và thiểu số; khắc phục, khẩn trương hoàn thành sửa chữa, xây mới nhà ở, công trình công cộng thiết yếu bị hư hại do thiên tai, bão lũ, bảo đảm nhân dân có nơi ở, sinh hoạt an toàn, ổn định để đón Tết.

- Theo dõi, nắm tình hình chi trả lương, thưởng cho người lao động của doanh nghiệp, nhất là người lao động bị mất việc làm, thiếu việc làm tạm thời để có giải pháp hỗ trợ kịp thời. Hỗ trợ, nắm bắt tình hình lao động tại các khu công nghiệp, khu

kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nghỉ Tết và trở lại làm việc sau Tết. Thực hiện các giải pháp duy trì chuỗi cung ứng nguồn nhân lực, đáp ứng kịp thời lao động cho doanh nghiệp trước và sau Tết Nguyên đán. Tăng cường kiểm tra và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động. Hỗ trợ, tạo điều kiện để bảo đảm người nước ngoài đang làm việc trên địa bàn tỉnh được đón Tết Nguyên đán theo phong tục, truyền thống của dân tộc và phù hợp điều kiện thực tế.

- Tăng cường kiểm soát, bảo đảm tuyệt đối an ninh trật tự, an toàn xã hội dịp Tết Nguyên đán và các sự kiện lớn của đất nước theo Công điện số 51/CĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, phòng ngừa, đấu tranh các hành vi vi phạm về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo theo Chỉ thị số 50/CT-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh; tuyên truyền, phổ biến, nâng cao ý thức tự giác tuân thủ, chấp hành pháp luật của người dân. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác bảo đảm trật tự, giải tỏa vi phạm, chống tái lấn chiếm hành lang an toàn giao thông theo Kế hoạch số 1150/KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh; yêu cầu người đứng đầu của các đơn vị thường xuyên đôn đốc, kiểm tra và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra tình trạng vi phạm an ninh, trật tự trên địa bàn.

- Thực hiện nghiêm các quy định về văn hóa công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính; phòng chống lãng phí, tiêu cực. Quán triệt, thực hiện nghiêm việc không tổ chức đi thăm, chúc Tết lãnh đạo các cấp; nghiêm cấm dùng công quỹ biếu, tặng quà Tết cho lãnh đạo các cấp; không sử dụng ngân sách nhà nước, phương tiện, tài sản công trái quy định cho hoạt động vui chơi, lễ hội; không điều khiển phương tiện giao thông khi đã sử dụng rượu, bia; cán bộ lãnh đạo chỉ được tham dự lễ chùa, lễ hội khi được phân công; không cổ xúy các hoạt động mê tín, dị đoan,…

- Phân công, bố trí lãnh đạo và cán bộ trực tại công sở và các khu vực quan trọng trong các ngày nghỉ để bảo vệ tài sản, xử lý những công việc đột xuất, thường xuyên trong dịp Tết Nguyên đán; nhất là các cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm trực tiếp giải quyết công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp, các nhà đầu tư. Tăng cường quán triệt, chỉ đạo, ngăn chặn, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi gây nhũng nhiễu, phiền hà cho doanh nghiệp, người dân trong giải quyết công việc. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo và trực Tết, bảo đảm các hoạt động thông suốt trong dịp Tết Nguyên đán. Ngay sau kỳ nghỉ Tết, các cơ quan, tổ chức, đơn vị khẩn trương tập trung vào công việc, không để chậm trễ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; triển khai nhiệm vụ ngay từ tháng đầu năm, nhất là triển khai kịp thời các nội dung trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, khắc phục khó khăn để tiếp tục thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp hoạt động hiệu quả; tăng tốc, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2026 và cả nhiệm kỳ Đại hội XX.

- Rà soát, chỉnh trang đô thị (hệ thống đèn, cây xanh, vỉa hè,...), đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trên các tuyến đường được giao quản lý. Tuyên truyền, huy động cán bộ, nhân dân đẩy mạnh công tác

chỉnh trang đô thị, các tuyến phố, đường làng, ngõ xóm, khu dân cư bảo đảm sáng, xanh, sạch, đẹp, văn hóa, văn minh.

2. Giao Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Kho bạc Nhà nước Khu vực XI chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các xã, phường:

- Triển khai thực hiện các giải pháp đảm bảo cân đối cung cầu, bình ổn thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 theo Chỉ thị số 18/CT-BCT ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Bộ Công Thương. Theo dõi sát tình hình diễn biến giá cả, thị trường, nhất là hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng, mặt hàng thiết yếu, những mặt hàng có nhu cầu cao hoặc có biến động giá nhiều trên địa bàn, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng gây tăng giá đột biến, đặc biệt trong các dịp cao điểm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh; vi phạm về buôn bán hàng nhập lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả (theo Kế hoạch số 9693/KH-BCĐ389 ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban chỉ đạo 389 quốc gia và Kế hoạch số 1142/KH-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh); các hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm; chú trọng kiểm tra việc niêm yết giá, bán hàng không theo giá niêm yết, chống đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý, nhất là các mặt hàng thiết yếu có nhu cầu tiêu dùng cao trong dịp cuối năm và Tết Nguyên đán.

- Chỉ đạo các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn dự trữ đầy đủ, có phương án đảm bảo đảm nguồn cung xăng dầu, nguyên vật liệu cho thị trường dịp cuối năm và Tết Nguyên đán, không để thiếu hụt trong mọi tình huống; tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng để góp phần bình ổn thị trường; kiểm tra, giám sát và bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân. Chỉ đạo Công ty Điện lực Nghệ An có phương án vận hành hệ thống điện an toàn, bảo đảm cung ứng điện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ thu, chi ngân sách; kịp thời xuất, cấp hàng dự trữ quốc gia theo đúng quy định, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng bị ảnh hưởng thiên tai, bão lũ; theo dõi sát diễn biến giá cả, thị trường; phối hợp kiểm tra, kiểm soát phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng nhập lậu, hàng cấm,...

- Kho bạc Nhà nước Khu vực XI thực hiện tốt công tác kiểm soát chi, đảm bảo chi trả tiền lương, phụ cấp, quà cho người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội và các đối tượng yếu thế khác. Bảo hiểm xã hội tỉnh thực hiện tốt công tác giải quyết và chi trả lương hưu, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đầy đủ, kịp thời.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương:

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; có phương án chủ động phòng, chống

thiên tai, dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi. Phối hợp các xã, phường triển khai phương án phòng, chống thiên tai, rét đậm, rét hại,...; xây dựng kịch bản và chuẩn bị vật tư, trang thiết bị cây trồng, con giống phục vụ sản xuất, sẵn sàng ứng phó kịp thời khi có dịch bệnh, thiên tai xảy ra.

- Xây dựng kế hoạch, giải pháp bảo đảm cân đối cung ứng các mặt hàng lương thực, thực phẩm để ổn định giá cả, đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý và cung ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Tăng cường công tác quản lý chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản.

- Tăng cường công tác theo dõi, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ cho xây dựng kế hoạch sản xuất; cảnh báo kịp thời thiên tai, thời tiết nguy hiểm, bất thường... phục vụ cho đời sống dân sinh và hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội. Theo dõi, giám sát và có phương án ứng phó kịp thời ô nhiễm môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, không để tình trạng ùn ứ rác thải tại các khu đô thị, khu thương mại, khu dân cư.

- Tăng cường kiểm tra công tác bảo đảm an toàn đê điều, hồ đập; chủ động sửa chữa, nâng cấp, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, hồ chứa, đê sông, đê biển ngay trong mùa khô; có kế hoạch bảo đảm nguồn nước phục vụ gieo cấy vụ Đông Xuân. Chỉ đạo các đơn vị chức năng tăng cường kiểm tra công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng; kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động khai thác lâm sản, săn bắt, buôn bán động vật hoang dã, quý hiếm trái phép; tăng cường các biện pháp hỗ trợ ngư dân phòng tránh rủi ro, tuyên truyền ngư dân khai thác hải sản đúng quy định pháp luật.

- Chuẩn bị các điều kiện phục vụ tổ chức "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" nhân dịp Xuân Bính Ngọ 2026 theo Kế hoạch số 1165/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh.

4. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương:

- Tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh có nguy cơ bùng phát trong trong mùa Đông Xuân, trong dịp Tết và mùa lễ hội đầu năm, các bệnh truyền nhiễm mới nổi có khả năng xâm nhập vào nước ta; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về phòng chống dịch bệnh, sẵn sàng ứng phó với các tình huống có thể xảy ra.

- Chỉ đạo các bệnh viện, cơ sở y tế duy trì hoạt động, ứng trực 24/24 giờ; có phương án đảm bảo đủ nhân lực, thuốc, trang thiết bị, sinh phẩm y tế để khám, cấp cứu, điều trị cho người bệnh trong dịp Tết.

- Đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng thuốc vật tư, hóa chất phục vụ điều trị trong dịp Tết, không để xảy ra tình trạng khan hiếm, thiếu thuốc, găm hàng đẩy giá thuốc lên cao trái quy định; tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc phát hiện và kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp buôn bán thuốc giả, thuốc kém chất lượng, thuốc không được phép lưu hành và các trường hợp vi phạm quy định về quản lý giá thuốc.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc đảm bảo an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội Xuân 2026 để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm. Tuyên truyền, phổ biến các quy định, kiến thức về an toàn thực phẩm, kịp thời cảnh báo nguy cơ mất an toàn thực phẩm trong dịp Tết đến người tiêu dùng, người sản xuất, kinh doanh.

5. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương:

- Tăng cường công tác điều tiết, tổ chức quản lý chặt chẽ hoạt động vận tải, phục vụ nhu cầu đi lại của người dân dịp Tết Nguyên đán, không để xảy ra tình trạng người dân chậm về quê ăn Tết do không có phương tiện vận chuyển; tăng cường kiểm tra việc thực hiện kê khai, niêm yết giá cước vận tải, giá vé tàu, vé xe theo quy định; tổ chức vận chuyển hàng hóa thông suốt trong dịp Tết, đặc biệt là tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng, an toàn kỹ thuật các phương tiện tham gia giao thông; có biện pháp ngăn chặn việc vận chuyển trái phép hàng cháy nổ, hàng nguy hiểm, các sản phẩm từ gia súc, gia cầm không rõ nguồn gốc và không có chứng nhận kiểm dịch y tế trên các phương tiện vận tải.

- Tăng cường giải pháp kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông; giải tỏa hành lang an toàn giao thông, khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông tại các đầu mối giao thông lớn, tuyến đường giao thông huyết mạch, lưu lượng phương tiện đông, khu vực tổ chức kinh doanh, buôn bán hoa, cây cảnh dịp Tết,...; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông; tăng cường các điều kiện để bảo đảm cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra sự cố. Phối hợp xây dựng kế hoạch sửa chữa, khắc phục kịp thời các tuyến đường bị hư hỏng, xử lý điểm đen, các điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông nhằm bảo đảm an toàn cho người dân đi lại trong dịp Tết. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh tăng cường tuyên truyền các quy định pháp luật về an toàn giao thông; công khai số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý các thông tin, phản ánh của người dân.

6. Công an tỉnh, BCH Quân sự tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Chủ động nắm chắc tình hình, chỉ đạo, bố trí lực lượng, phương tiện bảo vệ tuyệt đối các hoạt động, các mục tiêu bảo vệ, các địa bàn trọng điểm, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, biên giới, không gian mạng,... và các điểm tổ chức sự kiện, lễ hội, nơi hoạt động tập trung đông người; có biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động và đối tượng chống đối, không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống.

- Triển khai cao điểm đấu tranh, trấn áp tội phạm, nhất là các tội phạm về hình sự, ma túy, công nghệ cao...; tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phát hiện và xử lý nghiêm các loại tệ nạn. Đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn xuất, nhập cảnh trái phép; tăng cường phòng, chống, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm về pháo trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính

Ngọ 2026; buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất hàng giả, hoạt động đầu cơ, lũng đoạn thị trường. Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ và các lễ hội Xuân năm 2026 theo Công điện số 52/CĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh.

- Tổ chức phân luồng, hướng dẫn giao thông (nhất là trong thời gian cao điểm, nơi tập trung đông người); tăng cường tuần tra, kiểm soát và xử phạt nghiêm những người có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông, nhất là liên quan đến sử dụng rượu, bia, chất ma túy. Tập trung chỉ đạo quyết liệt để khắc phục tình trạng ùn tắc và hạn chế thấp nhất tai nạn giao thông. Bảo đảm an ninh an toàn các cơ sở giam, giữ, giáo dục, giáo dưỡng; thực hiện chế độ, chính sách với phạm nhân, học viên, trại viên trong dịp Tết.

- Tổ chức tốt công tác trực ban, trực chỉ huy sẵn sàng lực lượng, phương tiện để xử lý các diễn biến bất thường xảy ra, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và cuộc sống bình yên cho người dân.

7. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Sở, ngành, các địa phương:

- Tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; bảo đảm nhân dân được đón Tết vui tươi, đầm ấm, phù hợp với nếp sống văn minh, truyền thống văn hóa của dân tộc và phong tục tập quán của từng địa phương.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, lễ hội trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Xây dựng kế hoạch, chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phục vụ khách du lịch trong dịp Tết Nguyên đán; tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng kinh doanh dịch vụ du lịch và phương tiện phục vụ khách du lịch, kịp thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

- Đảm bảo an toàn mạng lưới và an ninh thông tin liên lạc thông suốt phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp trong dịp Tết. Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát thông tin, không để thông tin thất thiệt gây hoang mang cho người dân và bất ổn thị trường; theo dõi, giám sát, phát hiện xử lý sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng, các dấu hiệu tấn công, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh; phát hiện, tuyên truyền các hình thức lừa đảo trực tuyến cho người dân. Chỉ đạo các tổ chức cung cấp dịch vụ bưu chính bố trí nhân lực khách hàng 24/24, bảo đảm an toàn, an ninh hàng hóa.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ đồng bào đón Tết vui tươi, phấn khởi, an toàn, tiết kiệm trước, trong và sau Tết; công tác chỉ đạo của hệ thống chính trị, tình hình kinh tế xã hội...; cập nhật kịp thời thông tin thị trường, giá hàng hóa, nhất là giá các mặt hàng thiết yếu phục vụ người dân trong dịp Tết; diễn biến tình hình dịch bệnh; kịp thời thông báo diễn biến thời tiết, cảnh báo thiên tai, tình hình giao thông trong dịp trước, trong và sau Tết,…; phối hợp tuyên truyền, giới thiệu Hội Báo Xuân, các văn hóa phẩm, tranh ảnh, lịch,… phục vụ nhân dân trong dịp Tết.

8. Sở Nội vụ, Sở Y tế chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương:

- Triển khai kịp thời công tác đảm bảo chính sách đối với Người có công với Cách mạng và công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026. Tổ chức thăm hỏi đúng đối tượng, đúng chế độ, công khai, minh bạch, tránh trùng lặp, chồng chéo, không để lợi dụng, trục lợi chính sách, bảo đảm tất cả các đối tượng chính sách đều có quà và được nhận quà trước Tết. Kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi phân biệt đối xử về giới, xâm hại, bạo lực gia đình có nguy cơ gia tăng trong dịp Tết.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến quyền lợi hợp pháp của người lao động, bảo đảm người lao động được chi trả đầy đủ tiền lương, tiền thưởng theo Công văn số 14848/UBND-VX ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh; chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa, giải quyết các vụ việc tranh chấp lao động, đình công có thể xảy ra trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

- Tăng cường tuyên truyền, quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện nghiêm các quy định về văn hóa công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng.

9. Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương:

- Quan tâm, thăm hỏi, động viên các gia đình chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn, các vị chức sắc tiêu biểu, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các địa phương bị thiệt hại do thiên tai, vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; không để xảy ra hoạt động mê tín dị đoan, trục lợi về tâm linh tại các cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng; chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tôn giáo tổ chức các hoạt động đón Xuân, lễ hội truyền thống đúng quy định, phù hợp thuần phong mỹ tục.

10. Công ty Điện lực Nghệ An, Viễn thông, các Công ty cấp nước trên địa bàn tỉnh rà soát, có phương án bảo đảm cung ứng đủ điện, nước, thông tin liên lạc thông suốt phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng của nhân dân; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả, chú trọng công tác phòng chống cháy nổ do sự cố về điện tại các nơi công cộng, chợ, khu công nghiệp, khu vui chơi, khu dân cư; bố trí trực ban thường xuyên để kịp thời xử lý các sự cố bất thường có thể xảy ra.

13. Văn phòng UBND tỉnh đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức, phân công trực Tết và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo để tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định.

Yêu cầu các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung trên./.

CHỦ TỊCH
Võ Trọng Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/CT-UBND	*Nghệ An, ngày 14 tháng 01 năm 2026*

CHỈ THỊ
Về tổ chức "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" nhân dịp Xuân Bính Ngọ và tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng năm 2026

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh *"Mùa xuân là Tết trồng cây, làm cho đất nước càng ngày càng xuân"* và chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về lâm nghiệp, trong những năm qua các cấp, các ngành và Nhân dân tỉnh Nghệ An đã tích cực tham gia trồng cây, trồng rừng, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, đặc biệt tại khu vực miền núi, biên giới.

Năm 2025, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan, thời tiết diễn biến phức tạp và những tác động bất lợi của tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, ngành lâm nghiệp tỉnh Nghệ An vẫn đạt được nhiều kết quả tích cực, toàn tỉnh trồng được hơn 25.000 ha rừng tập trung, đạt 125,3% kế hoạch và hơn 9 triệu cây phân tán, khai thác 2,374 triệu m^3 gỗ rừng trồng, đạt 131,9% kế hoạch, thu dịch vụ môi trường rừng 165,788 tỷ đồng 134,7% kế hoạch, tỷ lệ che phủ rừng duy trì 59,01%. Tuy nhiên, ngành lâm nghiệp vẫn còn tồn tại những hạn chế như: chất lượng rừng trồng chưa đồng đều; diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững còn thấp; tình trạng vi phạm pháp luật về lâm nghiệp vẫn còn xảy ra ở một số địa bàn; nguy cơ cháy rừng tiềm ẩn cao trong mùa khô; đời sống của một bộ phận người dân làm nghề rừng còn gặp nhiều khó khăn.

Nhằm phát huy kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên; tổ chức thiết thực, hiệu quả phong trào "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" nhân dịp Xuân Bính Ngọ, gắn với tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ngay từ đầu năm 2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, trọng tâm là

việc triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 23/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo; xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng, trồng cây phân tán năm 2026 gắn với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; huy động và lồng ghép hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa, nguồn vốn đầu tư công và các chương trình, dự án hợp pháp khác.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa, giá trị của rừng và cây xanh đối với phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng cuộc sống; khuyến khích sự tham gia tích cực của các tổ chức đoàn thể, trường học, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang và cộng đồng dân cư trong trồng cây, trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ cây sau trồng, góp phần xây dựng môi trường sống xanh, sạch, an toàn và bền vững.

3. Tổ chức phát động "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" nhân dịp Xuân Bính Ngọ, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, an toàn, tránh hình thức; lựa chọn thời điểm, địa điểm và loài cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng, ưu tiên các loài cây bản địa, cây lâu năm, cây có giá trị sinh thái và cảnh quan. Tập trung trồng cây xanh phân tán tại khu dân cư, trường học, bệnh viện, khu công nghiệp, khu du lịch, khu đô thị, ven đường giao thông, bờ sông, kênh mương và các khu vực công cộng; gắn việc trồng cây với chỉnh trang đô thị, xây dựng nông thôn mới, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường, góp phần cải thiện cảnh quan và không gian sống xanh; phân công rõ trách nhiệm quản lý, chăm sóc, bảo vệ cây sau khi trồng nhằm bảo đảm tỷ lệ sống cao, sinh trưởng tốt và phát triển bền vững.

4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp; nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp và các chủ rừng trong quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Chủ động xây dựng, rà soát và tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; đẩy mạnh tuần tra, kiểm tra rừng, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong theo dõi, giám sát tài nguyên rừng, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, không để xảy ra điểm nóng, phức tạp. Bố trí lực lượng, phương tiện, hậu cần, sẵn sàng ứng phó, xử lý hiệu quả cháy rừng theo phương châm "bốn tại chỗ"; gắn trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng với trách nhiệm người đứng đầu chính quyền địa phương, chủ rừng và lực lượng được giao nhiệm vụ.

5. Tăng cường kiểm soát, quản lý nguồn gốc, chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ sinh học trong chọn tạo, sử dụng giống mới, giống cây bản địa có chất

lượng cao, phù hợp điều kiện sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và chống chịu sâu bệnh. Khuyến khích ứng dụng công nghệ số, tự động hóa trong sản xuất giống, gieo ươm, trồng, chăm sóc và quản lý rừng.

6. Triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; thúc đẩy quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; từng bước nghiên cứu, triển khai các hoạt động liên quan đến dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng phù hợp với điều kiện của tỉnh. Phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng thông qua phát triển lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân làm nghề rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, chủ rừng, các tổ chức liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Đệ

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/TB-UBND	*Nghệ An, ngày 27 tháng 01 năm 2026*

THÔNG BÁO
Kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 01 năm 2026

Ngày 26/01/2026, UBND tỉnh tổ chức phiên họp thường kỳ tháng 01/2026 do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì; cùng tham dự có các Thành viên UBND tỉnh; Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh; Thường trực HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan;

UBND tỉnh đã nghe và cho ý kiến các nội dung: Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ tháng 12/2025; Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 01/2026, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm tháng 02/2026 và các nội dung thuộc thẩm quyền.

Sau khi nghe báo cáo và ý kiến thảo luận tại cuộc họp của Thành viên UBND tỉnh, UBND tỉnh thống nhất kết luận như sau:

I. Tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2026

1. Kết quả đạt được

- Các ngành, các cấp đã triển khai nghiêm túc, kịp thời các nghị quyết của HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 35; ban hành các quyết định, kế hoạch về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2026.

- Các lĩnh vực kinh tế tiếp tục duy trì kết quả tích cực:

+ Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 20,62%, tổng mức bán lẻ hàng hoá ước đạt 13.588 tỷ đồng, tăng 8,26% so với cùng kỳ năm 2025;

+ Thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 3.176 tỷ đồng, đạt 13,6% dự toán;

+ Thu hút đầu tư: tính đến ngày 23/01/2026, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm: 77,97 tỷ đồng (trong đó, vốn FDI là 0,7 triệu USD).

- Lĩnh vực văn hoá - xã hội tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, nhất là tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện cho nhân dân đón Tết Bính Ngọ 2026:

+ Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tích cực đăng ký ủng hộ Chương trình: "Nghĩa tình dòng Lam - Xuân Bính Ngọ 2026" *(theo tổng hợp của UBMTTQ tỉnh, đến 23/01/2026, tổng đăng ký ủng hộ trên 86 tỷ đồng);*

+ Kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia năm học 2025-2026, có 113 em đạt giải, tăng 17 giải so với năm trước, trong đó có 10 giải Nhất. Tổ chức kỳ thi tuyển viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS công lập năm học 2025 – 2026 đảm bảo công bằng, minh bạch, khách quan.

- Triển khai tốt công tác chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (thành lập 13 đoàn kiểm tra giám sát công tác bầu cử của Uỷ ban bầu cử tỉnh; tổ chức làm việc với Đoàn giám sát, kiểm tra của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng bầu cử quốc gia; tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm hệ thống thông tin bầu cử cho tổ giúp việc Ban bầu cử tỉnh, các thành viên Ban bầu cử xã, phường...).

- Bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối các sự kiện lớn, nhất là trong thời gian diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV.

2. Khó khăn, hạn chế

- Thời tiết diễn biến không thuận lợi (rét đậm, rét hại) ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng thuỷ sản.

- Tiến độ giải phóng mặt bằng một số dự án, nhất là trọng điểm chưa đạt yêu cầu; tiến độ triển khai dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tại sau bão số 3, số 5, số 10 và mưa lũ năm 2025 còn chậm.

II. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháng 02 năm 2026

1. Tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX gắn với Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV

- Các sở, ngành, địa phương:

+ Xây dựng kế hoạch cụ thể, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp để triển khai quyết liệt, tạo sự chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm, phấn đấu thực hiện đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch năm 2026;

+ Chủ động rà soát, triển khai các nhiệm vụ, chương trình, đề án được giao trong Chương trình công tác; kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ.

+ Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ; bảo đảm mọi nhà, mọi người đều được vui Xuân, đón Tết an toàn, lành mạnh.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường:

+ Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, chủ động phương án phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi; tiếp tục chỉ đạo gieo cấy vụ Xuân;

+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc khai thác, cung cấp vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh;

+ Phối hợp với Sở Tài chính và các địa phương liên quan tham mưu thực hiện chính sách hỗ trợ trồng dứa theo Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh để đảm bảo mở rộng diện tích vùng trồng mới dứa nguyên liệu phục vụ nhu cầu chế biến;

+ Chuẩn bị các điều kiện phục vụ tổ chức Lễ phát động "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" nhân dịp Xuân Bính Ngọ năm 2026.

- Sở Công Thương:

+ Tăng cường công tác quản lý thị trường, ổn định giá cả, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hoá, dịch vụ, nhất là các mặt hàng thiết yếu trước, trong và sau Tết Nguyên đán 2026.

+ Phối hợp với Công ty Điện lực Nghệ An có phương án, giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân; tập trung, quyết liệt xóa vùng lõm điện ở các thôn bản, hoàn thành trong quý I/2026.

- Sở Tài chính:

+ Phối hợp Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm 2026 toàn tỉnh;

+ Chủ trì tham mưu triển khai cụ thể hoá thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2025 – 2030; Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

2. Tập trung giải quyết, hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm

- Tập trung chỉ đạo các dự án trọng điểm, quan trọng:

+ Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo phân công, trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành đơn vị, địa phương triển khai các dự án trọng điểm (gồm cả công tác giải phóng mặt bằng), đặc biệt là các dự án khởi công, hoàn thành trong quý I, quý II năm 2026;

+ Sở Xây dựng: khẩn trương làm việc, xin ý kiến Bộ Xây dựng đối với hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, làm cơ sở triển khai dự án Trung tâm hành chính tỉnh.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam:

+ Phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hỗ trợ, bảo đảm khởi công dự án Khu công nghiệp VSIP 3 vào dịp 30/4/2026 và hoàn thành thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư Khu công nghiệp VSIP 4 trong tháng 6/2026;

+ Phối hợp Bộ Tài chính để sớm tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án mở rộng Khu Kinh tế Nghệ An.

- Về dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai sau bão số 3, số 5, số 10 và mưa lũ năm 2025 trên địa bàn các xã Mỹ Lý, Nhôn Mai, Mường Típ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Đệ chỉ đạo các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan khẩn trương triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ theo đúng chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy.

- Sở Nội vụ: chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, chuẩn bị kỹ lưỡng các nội dung để tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

3. Quyết liệt triển khai các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

- Các sở, ngành, địa phương, các chủ đầu tư:

+ Phân công cụ thể lãnh đạo, cán bộ phụ trách từng dự án, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, xác định rõ nguyên nhân, vướng mắc để có giải pháp xử lý kịp thời; xác định rõ trách nhiệm để làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Quyết liệt thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, không để ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án.

- Sở Tài chính chủ trì:

+ Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý số vốn còn lại chưa giải ngân đến ngày 31/01/2026 của kế hoạch đầu tư công năm 2025.

+ Tham mưu thành lập 02 Tổ công tác cấp phòng để kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, đặc biệt về thủ tục đầu tư, xây dựng, bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án.

+ Tham mưu giải pháp cụ thể, khả thi để xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tập trung triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi):

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với Chương trình giảm nghèo bền

vững), Sở Dân tộc và Tôn giáo (đối với Chương trình dân tộc thiểu số và miền núi): Khẩn trương rà soát các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia đã được Quốc hội cho phép kéo dài và giải ngân đến hết năm 2026 để đề xuất, tham mưu UBND tỉnh phương án xử lý tổng thể.

+ Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phùng Thành Vinh chủ trì chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ.

4. Quan tâm các lĩnh vực văn hóa - xã hội, an sinh xã hội, chăm lo đời sống nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn

- Sở Nội vụ:

+ Thực hiện đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các chính sách đối với người có công, gia đình chính sách, người yếu thế; bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026;

+ Phối hợp Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam tổ chức Ngày hội việc làm tại các Khu công nghiệp để kết nối cho doanh nghiệp tuyển dụng lao động.

- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

+ Tham mưu cụ thể hoá triển khai thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam;

+ Tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân; hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; tăng cường công tác quản lý văn hoá, dịch vụ tâm linh, lễ hội Xuân gắn với phát triển du lịch.

- Sở Y tế:

+ Chỉ đạo các cơ sở y tế trực chuyên môn 24/24 giờ; bảo đảm công tác khám bệnh, cấp cứu, điều trị được thực hiện thông suốt, kịp thời, hiệu quả trong dịp Tết Nguyên đán;

+ Tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh, bán thuốc chữa bệnh trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: tập trung hoàn thành kỳ tuyển dụng giáo viên vào làm việc tại các cơ sở giáo dục bảo đảm công khai, minh bạch, thực chất, đúng quy trình, quy định.

- Sở Xây dựng: phối hợp các địa phương triển khai phương án chỉnh trang đô thị và đảm bảo an toàn giao thông trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

- Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Chỉ đạo bảo đảm an toàn, an ninh mạng lưới thông tin liên lạc thông suốt, đáp ứng nhu cầu trong dịp Tết Nguyên đán;

+ Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông khẩn trương rà soát, xóa vùng lõm sóng ở các thôn, bản.

5. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm đã được đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh kết luận tại Hội nghị tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

- *Sở Khoa học và Công nghệ* theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai công tác chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh.

- *Văn phòng UBND tỉnh* thường xuyên đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ; kịp thời tham mưu văn bản chấn chỉnh, các đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc chậm trễ trong phối hợp tham mưu chủ trương các dự án đầu tư.

6. Tiếp tục triển khai hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp

- Sở Nội vụ:

+ Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền sắp xếp các Ban quản lý dự án, các đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan khẩn trương kiện toàn, sắp xếp, tổ chức bộ máy cấp xã; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ, công chức cấp xã đúng chuyên môn, nhất là các lĩnh vực, vị trí chuyên môn còn thiếu.

- *Sở Giáo dục và Đào tạo* phối hợp Sở Nội vụ và các địa phương tập trung tham mưu cấp có thẩm quyền sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập cấp xã (trường mầm non, tiểu học, THCS, trường liên cấp) trên địa bàn tỉnh.

- *Sở Tài chính:* Tập trung đẩy nhanh tiến độ xử lý các cơ sở nhà, đất, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, không để lãng phí tài sản công.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ, nhất là dịp trước, trong và sau Tết

- *Công an tỉnh:* Tăng cường các biện pháp phòng chống tội phạm, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ an toàn tài sản, an toàn sức khoẻ nhân dân.

- *Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:* Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức tốt Lễ giao nhận quân bảo đảm đủ chỉ tiêu, chất lượng.

- *Thanh tra tỉnh:*

+ Phối hợp Văn phòng UBND tỉnh rà soát, đôn đốc các đơn vị liên quan chuẩn bị các nội dung liên quan để làm việc với Thanh tra Chính phủ;

+ Chủ động thực hiện kế hoạch thanh tra, nhất là trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản, chống khai thác thủy sản theo IUU,...

III. Các nội dung thuộc thẩm quyền UBND tỉnh

1. Về dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh quy định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị do Công ty Cổ phần cấp nước Nghệ An sản xuất, cung ứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2581/TTr-STC ngày 20/5/2025.

2. Về dự thảo Quyết định quy định giá tiêu thụ sản phẩm nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An sản xuất, cung ứng: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo số 6922/BC-STC ngày 10/10/2025. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tuân thủ quy định pháp luật của hồ sơ, thông tin, số liệu báo cáo, nội dung thẩm định, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh.

3. Về dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định tỷ lệ phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng do ngành nội vụ quản lý: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 67/TTr-SNV ngày 22/01/2026.

4. Về dự thảo Quyết định phân cấp thẩm quyền quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến từ nguồn ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 68/TTr-SNV ngày 22/01/2026.

5. Về mô hình tổ chức Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Báo cáo số 208/BC-SNV ngày 08/01/2026. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tuân thủ quy định pháp luật của hồ sơ, thông tin, số liệu báo cáo, nội dung thẩm định, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh.

6. Về việc đề nghị Bộ Tư lệnh Quân khu IV cho ý kiến đối với việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch dự án Khu biệt thự cao cấp, khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 260/SXD-QHKT ngày 12/01/2026. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tuân thủ quy định pháp luật của hồ sơ, thông tin, số liệu báo cáo, nội dung thẩm định, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh.

7. Về việc điều chỉnh quy hoạch Nhà máy nước Nam Đàn và bổ sung mới tuyến đường ống truyền tải cấp nước sạch: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Xây dựng tại các Công văn: số 9116/SXD-QHKT ngày 26/11/2025, số 10576/SXD-QHKT ngày 31/12/2025. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tuân thủ quy định pháp luật của hồ sơ, thông tin, số liệu báo cáo, nội dung thẩm định, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh.

Yêu cầu nhà đầu tư cam kết và nghiêm túc thực hiện đầy đủ các nội dung: (1) Tập trung nguồn lực, hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch, đầu tư, xây dựng Nhà máy nước Nam Đàn, bổ sung tuyến ống truyền tải và đưa vào sử dụng trước ngày 31/3/2027; (2) Không sử dụng đường ống để cấp nước thô cho các doanh nghiệp cấp nước khác; không kinh doanh nước sạch ngoài phạm vi phục vụ của Nhà máy; chỉ hỗ trợ cấp nước liên vùng khi hệ thống cấp nước của nhà máy khác có sự cố và phải được sự thống nhất của chủ sở hữu đường ống hoặc theo chỉ đạo của các cơ quan chức năng; (3) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi quản lý, vận hành nhà máy, hệ thống đường ống không đúng mục tiêu, chức năng được cho phép, sản xuất, kinh doanh nước sạch không đúng quy định.

UBND tỉnh ban hành văn bản thống nhất chủ trương, cho phép điều chỉnh quy hoạch Nhà máy nước Nam Đàn và bổ sung tuyến đường ống truyền tải cấp nước sạch sau khi nhà đầu tư có văn bản cam kết đầy đủ các nội dung trên.

8. Về việc đề nghị cấp đất mới trụ sở làm việc của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi

trường, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; báo cáo, tham mưu UBND tỉnh theo đúng quy định.

9. Về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh quy định tiếp nhận, luân chuyển, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 741/TTr-SNNMT.QLĐĐ ngày 20/01/2026.

10. Về dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại các Báo cáo: số 606/BC-SNNMT-KL ngày 04/12/2025; số 685/BC- SNNMT-KL ngày 30/12/2025; số 9/BC-SNNMT-KL ngày 08/01/2026; số 49/BC-SNNMT-KL ngày 21/01/2026; số 50/BC-SNNMT-KL ngày 21/01/2026.

11. Về dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 68/TTr-SDT&TG ngày 23/01/2026.

12. Về Đề án Quy hoạch hệ thống tuyên truyền, quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030, định hướng đến năm 2040: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 5219/TTr-SVHTTDL ngày 22/12/2025. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, hoàn thiện Đề án đảm bảo đúng quy trình, quy định.

Các sở, ngành, đơn vị, địa phương trình và thẩm định, đề xuất các hồ sơ nêu trên chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung trình, thẩm định, thông tin, số liệu, tính chính xác, tuân thủ quy định của pháp luật. Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo lĩnh vực phân công phụ trách soát xét, ký duyệt các hồ sơ và chỉ đạo thực hiện các nội dung nêu trên kịp thời, hiệu quả, đúng quy định.

Trên đây Thông báo kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 01 năm 2026, UBND tỉnh thông báo để các sở, ban, ngành, địa phương biết và triển khai thực hiện.

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG
Đặng Thanh Tùng

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/TB-UBND	*Nghệ An, ngày 27 tháng 01 năm 2026*

THÔNG BÁO
Kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 01 năm 2026

Ngày 26/01/2026, UBND tỉnh tổ chức phiên họp thường kỳ tháng 01/2026 do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì; cùng tham dự có các Thành viên UBND tỉnh; Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh; Thường trực HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan;

UBND tỉnh đã nghe và cho ý kiến các nội dung: Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ tháng 12/2025; Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 01/2026, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm tháng 02/2026 và các nội dung thuộc thẩm quyền.

Sau khi nghe báo cáo và ý kiến thảo luận tại cuộc họp của Thành viên UBND tỉnh, UBND tỉnh thống nhất kết luận như sau:

I. Tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2026

1. Kết quả đạt được

- Các ngành, các cấp đã triển khai nghiêm túc, kịp thời các nghị quyết của HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 35; ban hành các quyết định, kế hoạch về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2026.

- Các lĩnh vực kinh tế tiếp tục duy trì kết quả tích cực:

+ Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 20,62%, tổng mức bán lẻ hàng hoá ước đạt 13.588 tỷ đồng, tăng 8,26% so với cùng kỳ năm 2025;

+ Thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 3.176 tỷ đồng, đạt 13,6% dự toán;

+ Thu hút đầu tư: tính đến ngày 23/01/2026, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm: 77,97 tỷ đồng (trong đó, vốn FDI là 0,7 triệu USD).

- Lĩnh vực văn hoá - xã hội tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, nhất là tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện cho nhân dân đón Tết Bính Ngọ 2026:

+ Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tích cực đăng ký ủng hộ Chương trình: "Nghĩa tình dòng Lam - Xuân Bính Ngọ 2026" *(theo tổng hợp của UBMTTQ tỉnh, đến 23/01/2026, tổng đăng ký ủng hộ trên 86 tỷ đồng);*

+ Kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia năm học 2025-2026, có 113 em đạt giải, tăng 17 giải so với năm trước, trong đó có 10 giải Nhất. Tổ chức kỳ thi tuyển viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS công lập năm học 2025 – 2026 đảm bảo công bằng, minh bạch, khách quan.

- Triển khai tốt công tác chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (thành lập 13 đoàn kiểm tra giám sát công tác bầu cử của Uỷ ban bầu cử tỉnh; tổ chức làm việc với Đoàn giám sát, kiểm tra của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng bầu cử quốc gia; tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm hệ thống thông tin bầu cử cho tổ giúp việc Ban bầu cử tỉnh, các thành viên Ban bầu cử xã, phường...).

- Bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối các sự kiện lớn, nhất là trong thời gian diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV.

2. Khó khăn, hạn chế

- Thời tiết diễn biến không thuận lợi (rét đậm, rét hại) ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng thuỷ sản.

- Tiến độ giải phóng mặt bằng một số dự án, nhất là trọng điểm chưa đạt yêu cầu; tiến độ triển khai dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tại sau bão số 3, số 5, số 10 và mưa lũ năm 2025 còn chậm.

II. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháng 02 năm 2026

1. Tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX gắn với Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV

- Các sở, ngành, địa phương:

+ Xây dựng kế hoạch cụ thể, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp để triển khai quyết liệt, tạo sự chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm, phấn đấu thực hiện đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch năm 2026;

+ Chủ động rà soát, triển khai các nhiệm vụ, chương trình, đề án được giao trong Chương trình công tác; kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ.

+ Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ; bảo đảm mọi nhà, mọi người đều được vui Xuân, đón Tết an toàn, lành mạnh.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường:

+ Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, chủ động phương án phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi; tiếp tục chỉ đạo gieo cấy vụ Xuân;

+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc khai thác, cung cấp vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh;

+ Phối hợp với Sở Tài chính và các địa phương liên quan tham mưu thực hiện chính sách hỗ trợ trồng dứa theo Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh để đảm bảo mở rộng diện tích vùng trồng mới dứa nguyên liệu phục vụ nhu cầu chế biến;

+ Chuẩn bị các điều kiện phục vụ tổ chức Lễ phát động "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" nhân dịp Xuân Bính Ngọ năm 2026.

- Sở Công Thương:

+ Tăng cường công tác quản lý thị trường, ổn định giá cả, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hoá, dịch vụ, nhất là các mặt hàng thiết yếu trước, trong và sau Tết Nguyên đán 2026.

+ Phối hợp với Công ty Điện lực Nghệ An có phương án, giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân; tập trung, quyết liệt xóa vùng lõm điện ở các thôn bản, hoàn thành trong quý I/2026.

- Sở Tài chính:

+ Phối hợp Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm 2026 toàn tỉnh;

+ Chủ trì tham mưu triển khai cụ thể hoá thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2025 – 2030; Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

2. Tập trung giải quyết, hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm

- Tập trung chỉ đạo các dự án trọng điểm, quan trọng:

+ Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo phân công, trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành đơn vị, địa phương triển khai các dự án trọng điểm (gồm cả công tác giải phóng mặt bằng), đặc biệt là các dự án khởi công, hoàn thành trong quý I, quý II năm 2026;

+ Sở Xây dựng: khẩn trương làm việc, xin ý kiến Bộ Xây dựng đối với hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, làm cơ sở triển khai dự án Trung tâm hành chính tỉnh.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam:

+ Phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hỗ trợ, bảo đảm khởi công dự án Khu công nghiệp VSIP 3 vào dịp 30/4/2026 và hoàn thành thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư Khu công nghiệp VSIP 4 trong tháng 6/2026;

+ Phối hợp Bộ Tài chính để sớm tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án mở rộng Khu Kinh tế Nghệ An.

- Về dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai sau bão số 3, số 5, số 10 và mưa lũ năm 2025 trên địa bàn các xã Mỹ Lý, Nhôn Mai, Mường Típ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Đệ chỉ đạo các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan khẩn trương triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ theo đúng chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy.

- Sở Nội vụ: chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, chuẩn bị kỹ lưỡng các nội dung để tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

3. Quyết liệt triển khai các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

- Các sở, ngành, địa phương, các chủ đầu tư:

+ Phân công cụ thể lãnh đạo, cán bộ phụ trách từng dự án, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, xác định rõ nguyên nhân, vướng mắc để có giải pháp xử lý kịp thời; xác định rõ trách nhiệm để làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Quyết liệt thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, không để ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án.

- Sở Tài chính chủ trì:

+ Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý số vốn còn lại chưa giải ngân đến ngày 31/01/2026 của kế hoạch đầu tư công năm 2025.

+ Tham mưu thành lập 02 Tổ công tác cấp phòng để kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, đặc biệt về thủ tục đầu tư, xây dựng, bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án.

+ Tham mưu giải pháp cụ thể, khả thi để xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tập trung triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi):

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với Chương trình giảm nghèo bền

vững), Sở Dân tộc và Tôn giáo (đối với Chương trình dân tộc thiểu số và miền núi): Khẩn trương rà soát các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia đã được Quốc hội cho phép kéo dài và giải ngân đến hết năm 2026 để đề xuất, tham mưu UBND tỉnh phương án xử lý tổng thể.

+ Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phùng Thành Vinh chủ trì chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ.

4. Quan tâm các lĩnh vực văn hóa - xã hội, an sinh xã hội, chăm lo đời sống nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn

- Sở Nội vụ:

+ Thực hiện đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các chính sách đối với người có công, gia đình chính sách, người yếu thế; bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026;

+ Phối hợp Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam tổ chức Ngày hội việc làm tại các Khu công nghiệp để kết nối cho doanh nghiệp tuyển dụng lao động.

- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

+ Tham mưu cụ thể hoá triển khai thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam;

+ Tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân; hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; tăng cường công tác quản lý văn hoá, dịch vụ tâm linh, lễ hội Xuân gắn với phát triển du lịch.

- Sở Y tế:

+ Chỉ đạo các cơ sở y tế trực chuyên môn 24/24 giờ; bảo đảm công tác khám bệnh, cấp cứu, điều trị được thực hiện thông suốt, kịp thời, hiệu quả trong dịp Tết Nguyên đán;

+ Tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh, bán thuốc chữa bệnh trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: tập trung hoàn thành kỳ tuyển dụng giáo viên vào làm việc tại các cơ sở giáo dục bảo đảm công khai, minh bạch, thực chất, đúng quy trình, quy định.

- Sở Xây dựng: phối hợp các địa phương triển khai phương án chỉnh trang đô thị và đảm bảo an toàn giao thông trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

- Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Chỉ đạo bảo đảm an toàn, an ninh mạng lưới thông tin liên lạc thông suốt, đáp ứng nhu cầu trong dịp Tết Nguyên đán;

+ Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông khẩn trương rà soát, xóa vùng lõm sóng ở các thôn, bản.

5. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm đã được đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh kết luận tại Hội nghị tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

- *Sở Khoa học và Công nghệ* theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai công tác chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh.

- *Văn phòng UBND tỉnh* thường xuyên đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ; kịp thời tham mưu văn bản chấn chỉnh, các đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc chậm trễ trong phối hợp tham mưu chủ trương các dự án đầu tư.

6. Tiếp tục triển khai hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp

- Sở Nội vụ:

+ Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền sắp xếp các Ban quản lý dự án, các đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan khẩn trương kiện toàn, sắp xếp, tổ chức bộ máy cấp xã; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ, công chức cấp xã đúng chuyên môn, nhất là các lĩnh vực, vị trí chuyên môn còn thiếu.

- *Sở Giáo dục và Đào tạo* phối hợp Sở Nội vụ và các địa phương tập trung tham mưu cấp có thẩm quyền sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập cấp xã (trường mầm non, tiểu học, THCS, trường liên cấp) trên địa bàn tỉnh.

- *Sở Tài chính:* Tập trung đẩy nhanh tiến độ xử lý các cơ sở nhà, đất, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, không để lãng phí tài sản công.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ, nhất là dịp trước, trong và sau Tết

- *Công an tỉnh:* Tăng cường các biện pháp phòng chống tội phạm, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ an toàn tài sản, an toàn sức khoẻ nhân dân.

- *Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:* Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức tốt Lễ giao nhận quân bảo đảm đủ chỉ tiêu, chất lượng.

- *Thanh tra tỉnh:*

+ Phối hợp Văn phòng UBND tỉnh rà soát, đôn đốc các đơn vị liên quan chuẩn bị các nội dung liên quan để làm việc với Thanh tra Chính phủ;

+ Chủ động thực hiện kế hoạch thanh tra, nhất là trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản, chống khai thác thủy sản theo IUU,...

III. Các nội dung thuộc thẩm quyền UBND tỉnh

1. Về dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh quy định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị do Công ty Cổ phần cấp nước Nghệ An sản xuất, cung ứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2581/TTr-STC ngày 20/5/2025.

2. Về dự thảo Quyết định quy định giá tiêu thụ sản phẩm nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An sản xuất, cung ứng: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo số 6922/BC-STC ngày 10/10/2025. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tuân thủ quy định pháp luật của hồ sơ, thông tin, số liệu báo cáo, nội dung thẩm định, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh.

3. Về dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định tỷ lệ phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng do ngành nội vụ quản lý: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 67/TTr-SNV ngày 22/01/2026.

4. Về dự thảo Quyết định phân cấp thẩm quyền quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến từ nguồn ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 68/TTr-SNV ngày 22/01/2026.

5. Về mô hình tổ chức Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Báo cáo số 208/BC-SNV ngày 08/01/2026. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tuân thủ quy định pháp luật của hồ sơ, thông tin, số liệu báo cáo, nội dung thẩm định, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh.

6. Về việc đề nghị Bộ Tư lệnh Quân khu IV cho ý kiến đối với việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch dự án Khu biệt thự cao cấp, khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 260/SXD-QHKT ngày 12/01/2026. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tuân thủ quy định pháp luật của hồ sơ, thông tin, số liệu báo cáo, nội dung thẩm định, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh.

7. Về việc điều chỉnh quy hoạch Nhà máy nước Nam Đàn và bổ sung mới tuyến đường ống truyền tải cấp nước sạch: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Xây dựng tại các Công văn: số 9116/SXD-QHKT ngày 26/11/2025, số 10576/SXD-QHKT ngày 31/12/2025. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tuân thủ quy định pháp luật của hồ sơ, thông tin, số liệu báo cáo, nội dung thẩm định, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh.

Yêu cầu nhà đầu tư cam kết và nghiêm túc thực hiện đầy đủ các nội dung: (1) Tập trung nguồn lực, hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch, đầu tư, xây dựng Nhà máy nước Nam Đàn, bổ sung tuyến ống truyền tải và đưa vào sử dụng trước ngày 31/3/2027; (2) Không sử dụng đường ống để cấp nước thô cho các doanh nghiệp cấp nước khác; không kinh doanh nước sạch ngoài phạm vi phục vụ của Nhà máy; chỉ hỗ trợ cấp nước liên vùng khi hệ thống cấp nước của nhà máy khác có sự cố và phải được sự thống nhất của chủ sở hữu đường ống hoặc theo chỉ đạo của các cơ quan chức năng; (3) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi quản lý, vận hành nhà máy, hệ thống đường ống không đúng mục tiêu, chức năng được cho phép, sản xuất, kinh doanh nước sạch không đúng quy định.

UBND tỉnh ban hành văn bản thống nhất chủ trương, cho phép điều chỉnh quy hoạch Nhà máy nước Nam Đàn và bổ sung tuyến đường ống truyền tải cấp nước sạch sau khi nhà đầu tư có văn bản cam kết đầy đủ các nội dung trên.

8. Về việc đề nghị cấp đất mới trụ sở làm việc của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi

trường, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; báo cáo, tham mưu UBND tỉnh theo đúng quy định.

9. Về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh quy định tiếp nhận, luân chuyển, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 741/TTr-SNNMT.QLĐĐ ngày 20/01/2026.

10. Về dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại các Báo cáo: số 606/BC-SNNMT-KL ngày 04/12/2025; số 685/BC- SNNMT-KL ngày 30/12/2025; số 9/BC-SNNMT-KL ngày 08/01/2026; số 49/BC-SNNMT-KL ngày 21/01/2026; số 50/BC-SNNMT-KL ngày 21/01/2026.

11. Về dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 68/TTr-SDT&TG ngày 23/01/2026.

12. Về Đề án Quy hoạch hệ thống tuyên truyền, quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030, định hướng đến năm 2040: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 5219/TTr-SVHTTDL ngày 22/12/2025. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, hoàn thiện Đề án đảm bảo đúng quy trình, quy định.

Các sở, ngành, đơn vị, địa phương trình và thẩm định, đề xuất các hồ sơ nêu trên chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung trình, thẩm định, thông tin, số liệu, tính chính xác, tuân thủ quy định của pháp luật. Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo lĩnh vực phân công phụ trách soát xét, ký duyệt các hồ sơ và chỉ đạo thực hiện các nội dung nêu trên kịp thời, hiệu quả, đúng quy định.

Trên đây Thông báo kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 01 năm 2026, UBND tỉnh thông báo để các sở, ban, ngành, địa phương biết và triển khai thực hiện.

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG
Đặng Thanh Tùng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:05/CT-UBND	*Nghệ An, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

CHỈ THỊ
Về việc tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước và thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2026

Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng, diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, là năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, cũng là năm tỉnh Nghệ An quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng từ 10,5% - 11,5%, cùng thời điểm cả nước chính thức bước vào giai đoạn tăng trưởng kinh tế phấn đấu đạt từ 10%/năm trở lên. Bên cạnh những cơ hội thuận lợi, dự báo nền kinh tế trong nước nói chung và trong tỉnh nói riêng tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là yếu tố bất lợi từ bên ngoài; các vấn đề an ninh phi truyền thống, dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục diễn biến khó lường, sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là NSNN) năm 2026 (với mục tiêu đạt trên 32.000 tỷ đồng và nỗ lực đạt 35.000 tỷ đồng), UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện có hiệu quả các nội dung như sau:

I. Nhiệm vụ chung:

1. Để tổ chức triển khai các giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu NSNN năm 2026 ngay từ những ngày đầu năm, cần bám sát chỉ đạo của Trung ương, địa phương về triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2026 tại các Văn bản như sau: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2026; Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 06/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Nghệ An về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh về dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2026; Quyết định 4158/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2026; Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày

20/01/2025 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2026.

2. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính NSNN; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thuộc ngành Tài chính, nhất là cơ quan Thuế, Hải quan, Bảo hiểm xã hội hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách, thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được giao, xem đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của đơn vị, địa phương, của ngành và xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện.

3. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến đến người dân và doanh nghiệp về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ người nộp thuế đối với nhà nước, quyền lợi của người dân khi tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc tự giác chấp hành, thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật.

4. Đẩy mạnh thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn NSNN trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng thu NSNN trên địa bàn, hướng tới xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, bình đẳng.

II. Nhiệm vụ của các Sở, ngành, đơn vị, địa phương:

1. Thuế tỉnh Nghệ An:

- Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, phân tích, đánh giá, phân loại cụ thể từng sắc thuế, từng ngành, từng lĩnh vực và từng đối tượng theo từng địa bàn để có biện pháp quản lý thu phù hợp đảm bảo tiến độ thu đúng kế hoạch đã đề ra; đảm bảo thu đúng, thu đủ, minh bạch, kịp thời các khoản thu phát sinh theo đúng quy định.

- Tăng cường tuyên truyền chính sách pháp luật thuế, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện các thủ tục hành chính thuế thông qua việc đổi mới phương thức, phát triển đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền, trong đó tập trung hướng dẫn hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi từ phương thức thuế khoán sang kê khai thuế; kịp thời triển khai các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính.

- Tập trung đánh giá rủi ro, kiểm tra những doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế, các lĩnh vực còn dự địa, thất thu như: hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, xuyên biên giới, hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản, kinh doanh bất động sản, doanh nghiệp liên doanh liên kết, chuyển giá... Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, phân tích, đánh giá nguyên nhân nợ thuế đối với từng nhóm người nộp thuế để xây dựng kế hoạch đôn đốc, thu hồi nợ thuế phù hợp. Đối với các trường hợp chây ỳ, kéo dài trên địa

bàn, áp dụng đầy đủ các biện pháp cưỡng chế, thực hiện tạm hoãn xuất cảnh và công khai thông tin nợ thuế theo đúng quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND xã, phường trong công tác quản lý thuế và thu hồi nợ đọng thuế của doanh nghiệp theo quy định khi doanh nghiệp làm các thủ tục như: giao đất, cho thuê đất, ký hợp đồng thuê đất; chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và nhà ở; cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thủ tục giải thể, chuyển đổi, tách doanh nghiệp, thông báo nhà ở đủ điều kiện để bán, cho thuê…; Tăng cường việc đối chiếu sản lượng khai thác tài nguyên, khoáng sản, phối hợp nắm bắt tình hình khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn để yêu cầu người nộp thuế khai, nộp thuế đúng với sản lượng khai thác. Kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi giấy phép khai thác theo Luật Khoáng sản, xử lý vi phạm về thuế theo đúng quy định trong trường hợp người nộp thuế không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế.

- Đôn đốc thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất các dự án kinh doanh bất động sản đã được giao đất, xác định giá đất nhằm thu đầy đủ, kịp thời số tiền phải nộp vào NSNN. Đồng thời, tăng cường kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án để đề nghị thu hồi đất đối với các dự án triển khai chậm, không thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

- Tăng cường rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế để kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn điều hành, thi hành chính sách thuế. Từ đó đề xuất, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện thể chế, pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thuế, đơn giản hóa thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế, giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

- Tăng cường đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý thuế, xây dựng cơ quan thuế hiện đại, lấy dữ liệu làm trung tâm; từng bước số hóa toàn diện quy trình quản lý, tự động hóa kiểm soát, tiến tới chuyển đổi mô hình từ quản lý hành chính sang quản lý dựa trên dữ liệu.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về thuế, thực hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, kỷ luật, kỷ cương, nêu cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức trong thực thi công vụ.

2. Chi cục Hải quan khu vực XI:

- Tập trung xây dựng, triển khai kế hoạch vận động, thu hút doanh nghiệp làm thủ tục xuất nhập khẩu qua cảng biển Cửa Lò, cửa khẩu Quốc tế Nậm Cắn… Đồng thời, chủ động tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật về hải quan, công khai minh bạch thủ tục hành chính do Chi cục Hải quan khu vực XI và các đơn vị trực thuộc thực hiện.

- Phân tích, đánh giá các yếu tố tác động đến nguồn thu, rà soát tất cả các nguồn hàng hóa xuất nhập khẩu để đưa ra các dự báo và giải pháp phù hợp nhằm hoàn thành chỉ tiêu thu NSNN và kim ngạch xuất nhập khẩu theo kế hoạch năm 2026 ở mức cao nhất.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan có liên quan để tổ chức thu các khoản thuế phát sinh đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh:

- Tập trung, quyết liệt đôn đốc thu hồi số tiền chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp theo quy định. Chủ động phối hợp với các Sở, ngành liên quan thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý các trường hợp chậm đóng, trốn đóng, gian lận, trục lợi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Cải cách thủ tục hành chính, đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo chương trình chuyển đổi số và phát triển Chính phủ điện tử quốc gia về lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế để cung cấp các dịch vụ công theo hướng người dân, tổ chức, doanh nghiệp có thể thực hiện giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế không phụ thuộc vào địa giới hành chính; nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người tham gia sản xuất - kinh doanh, ổn định việc làm, góp phần phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Thực hiện các giải pháp tăng nhanh và bền vững diện bao phủ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định. Tuyên truyền, phổ biến đến mọi tầng lớp Nhân dân về việc xử lý hình sự đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội và Điều 214, 215 và 216 Bộ Luật hình sự năm 2015.

- Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội cơ sở thường xuyên báo cáo UBND cấp xã về tình hình chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại các đơn vị sử dụng lao động, đồng thời tham mưu chỉ đạo công tác thu, giảm số tiền chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn.

4. Sở Tài chính:

- Chủ trì tổng hợp, theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện dự toán thu NSNN năm 2026 trên địa bàn tỉnh để tham mưu UBND tỉnh điều hành ngân sách địa phương kịp thời và đúng quy định.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đôn đốc các doanh nghiệp nhà nước nộp đầy đủ vào NSNN phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định; nộp kịp thời vào NSNN số thu cổ tức, lợi nhuận

được chia cho phần vốn Nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- Thường xuyên rà soát, đôn đốc các đơn vị thực hiện các khoản phải thu, nộp theo kết quả kiểm toán, thanh tra.

- Chủ động phối hợp với cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan để thu hồi nợ đọng thuế đối với các nhà đầu tư còn nợ tiền thuế trước khi cấp giấy phép đầu tư hoặc chủ trương đầu tư.

- Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh trong việc đảm bảo nguồn kinh phí hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho người tham gia từ nguồn NSNN.

- Thực hiện tốt vai trò chủ trì kết nối giữa các Sở, ban, ngành và các doanh nghiệp trong tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính, với tinh thần tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp. Chủ động tiếp cận, kết nối các nhà đầu tư lớn, đứng đầu các chuỗi cung ứng để kịp thời thu hút dòng vốn đầu tư mới, có chất lượng, mang lại giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, góp phần phát triển kinh tế, tăng thu ngân sách, giải quyết việc làm trên địa bàn.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 611/KH-UBND của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 358/KH/TU ngày 24/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, góp phần tăng thu NSNN trên địa bàn.

- Cập nhật đầy đủ và kịp thời các thông tin của doanh nghiệp thực hiện đăng ký kinh doanh cho các cơ quan có liên quan để xác định đầy đủ nghĩa vụ tài chính phải nộp NSNN theo quy định.

- Chủ trì trong việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh thực hiện quản lý nhà nước và kiểm tra các nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

5. Kho bạc Nhà nước khu vực XI:

- Thực hiện đối chiếu các khoản thu nộp vào NSNN, hạch toán thu NSNN và điều tiết các cấp ngân sách theo đúng quy định. Kịp thời khấu trừ tiền thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu khi thực hiện thủ tục thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của NSNN cho chủ đầu tư; Thanh toán kinh phí NSNN để đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho các đối tượng được NSNN đảm bảo và việc trích kinh phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động tại các đơn vị hưởng lương từ NSNN theo đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách.

- Phối hợp với Thuế tỉnh Nghệ An, các tổ chức tín dụng (sau đây viết tắt là TCTD), chi nhánh TCTD trên địa bàn đẩy mạnh sử dụng các ứng dụng thu thuế không dùng tiền mặt.

6. Ngân hàng Nhà nước khu vực 8:

- Chỉ đạo các TCTD, chi nhánh TCTD, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép trên địa bàn phối hợp với cơ quan quản lý thuế thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 40 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội trong việc trích tiền từ tài khoản của người sử dụng lao động để nộp tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng, chậm đóng và tiền lãi phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan để tuyên truyền, hướng dẫn khách hàng nộp thuế điện tử qua ứng dụng Thuế điện tử Etax trên thiết bị di động, đẩy mạnh thu thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

7. Công an tỉnh:

- Thường xuyên phối hợp với cơ quan Thuế, Hải quan, Bảo hiểm xã hội trong công tác trao đổi thông tin, tài liệu về phương thức, thủ đoạn mới của các loại tội phạm liên quan hành vi vi phạm thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; Chủ động nắm tình hình, làm tốt công tác phòng ngừa với các sai phạm liên quan đến lĩnh vực thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội như các hành vi: trốn thuế, lừa đảo chiếm đoạt tiền thuế, mua bán sử dụng trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách, hành vi chuyển giá, hành vi cố tình nợ đọng thuế; hành vi chậm đóng, trốn đóng, gian lận, trục lợi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Kịp thời xác minh, điều tra, xử lý nghiêm theo quy định đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm liên quan đến lĩnh vực thuế, hóa đơn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và tội phạm trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Phối hợp với cơ quan Thuế trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định tại Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 123-KH/TU ngày 12/9/2022 và Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 28/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

8. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

- Chủ động phối hợp với Thuế tỉnh Nghệ An, Chi cục Hải quan khu vực XI, Bảo hiểm xã hội tỉnh thực hiện tốt việc tuyên truyền pháp luật về thuế, hải quan và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về thuế đối

với các tổ chức, cá nhân có hoạt động giao dịch thương mại điện tử; phối hợp với Thuế tỉnh Nghệ An trong công tác quản lý, chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp, đơn vị hoạt động bưu chính trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn phối hợp với cơ quan Thuế, Hải quan, Bảo hiểm xã hội công khai danh sách những doanh nghiệp không chấp hành pháp luật bảo hiểm xã hội, gian lận, chây ỳ; nợ thuế, chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế lớn.

9. Sở Công Thương:

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu để hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng thị trường; xây dựng kế hoạch phát triển công nghiệp theo chiều sâu, các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học công nghệ, mang lại các sản phẩm có giá trị gia tăng và có khả năng tăng thu ngân sách cao.

- Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường phối hợp với cơ quan Thuế, Hải quan trong công tác quản lý Thuế đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động thương mại điện tử; các cơ sở kinh doanh có dấu hiệu bán hàng không xuất hóa đơn, gian lận thuế, ghi giá trị trên hóa đơn thấp hơn giá trị thanh toán thực tế; mua bán hàng hóa không rõ nguồn gốc, hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng.

10. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thuế trong việc cung cấp thông tin, số liệu để phục vụ công tác chống thất thu thuế đối với các hoạt động liên quan đến đất đai, khoáng sản.

- Thường xuyên theo dõi sát Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất năm 2026; thực hiện nhanh chóng các thủ tục về đất đai đối với dự án đầu tư, đẩy nhanh công tác giao đất, cho thuê đất, xác định giá đất cụ thể theo thẩm quyền để có cơ sở đưa các khu đất dự án ra tổ chức đấu giá và tính tiền sử dụng đất, thuê đất nhà đầu tư phải nộp vào NSNN theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Thuế tỉnh Nghệ An trong việc cung cấp các thông tin có liên quan để tham mưu UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo quy định.

11. Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát các vướng mắc liên quan đến công tác quy hoạch của các dự án đã được giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh để kịp thời tháo gỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan Thuế thực hiện thu NSNN.

- Kịp thời thực hiện thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng của các dự án đầu tư theo thẩm quyền, phục vụ việc triển khai thực hiện, giao đất, cho thuê đất, xác định nghĩa vụ tài chính liên quan.

- Phối hợp, hỗ trợ cơ quan Thuế quản lý, thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Thuế tỉnh Nghệ An trong việc cung cấp các thông tin có liên quan để tham mưu UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo quy định.

12. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam:

- Phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thuế trong việc cung cấp thông tin, số liệu về các doanh nghiệp, dự án hoạt động trong khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với tổ chức, đơn vị có liên quan và UBND xã, phường thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để nhanh chóng bàn giao đất cho các dự án trong khu kinh tế, các khu công nghiệp đảm bảo tiến độ đã phê duyệt.

13. UBND các xã, phường:

- Quan tâm chỉ đạo, thực hiện tốt công tác thu ngân sách, thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý thu thuế, thu bảo hiểm và tạo điều kiện thuận lợi nhất để phối hợp, hỗ trợ cơ quan Thuế, Bảo hiểm xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Xác nhận số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp (bao gồm cả việc xác nhận số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và đã ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật trước ngày Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực nhưng đến nay mới đề nghị được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 45 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP đã được Chủ tịch UBND tỉnh giao tại Quyết định số 3848/QĐ-UBND ngày 26/11/2025).

- Xác định khoản tiền tổ chức kinh tế đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp (trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê) hoặc được quy đổi ra số năm, tháng hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất (trường hợp thuê đất trả tiền hằng năm) đối với trường hợp tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư mà được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án trước ngày Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực nhưng nay mới đề nghị trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Thuế tỉnh Nghệ An, Chi cục Hải quan khu vực XI, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các đơn vị có liên quan để thực hiện tốt nhiệm vụ thu NSNN, thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Các đơn vị đã ký kết quy chế phối hợp trong công tác quản lý thu thuế, thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế với Thuế tỉnh Nghệ An, Chi cục Hải quan khu vực XI, Bảo hiểm xã hội tỉnh cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ để thực hiện có hiệu quả và thường xuyên rà soát, điều chỉnh cho phù hợp. Nghiêm túc thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác thu, nộp NSNN trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh.

2. Thuế tỉnh Nghệ An chủ trì, phối hợp với các các đơn vị có liên quan đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Chỉ thị này.

Yêu cầu Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung của Chỉ thị này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Bùi Thanh An

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 136/TB-UBND	*Nghệ An, ngày 27 tháng 02 năm 2026*

THÔNG BÁO
Kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 02 năm 2026

Ngày 27/02/2026, UBND tỉnh tổ chức phiên họp thường kỳ nghe và cho ý kiến về tình hình thực hiện kinh tế - xã hội tháng 02/2026, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháng 3/2026 và các nội dung thuộc thẩm quyền.

Chủ tịch UBND tỉnh và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì cuộc họp. Tham dự có: các Ủy viên UBND tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy UBND tỉnh, đại diện các Ban của HĐND tỉnh; Đại diện lãnh đạo các cơ quan: Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Ban Quản lý Khu Kinh tế Đông Nam, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Thống kê tỉnh, Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chi cục Hải quan khu vực XI, Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, Ban quản lý dự án công trình giao thông Nghệ An, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Quản lý thị trường tỉnh; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND các phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Phú, Vinh Hưng, Vinh Lộc, Cửa Lò; Đại diện lãnh đạo các doanh nghiệp: Công ty Điện lực Nghệ An, Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An, Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An, Công ty CP Quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh, VNPT Nghệ An, Viettel Nghệ An, Mobifone Nghệ An.

Sau khi nghe báo cáo và ý kiến thảo luận tại cuộc họp của Thành viên UBND tỉnh, UBND tỉnh thống nhất kết luận như sau:

I. Tình hình kinh tế - xã hội tháng 02 năm 2026

1. Kết quả đạt được

- Các cấp, các ngành, địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức tốt hoạt động vui Xuân, đón Tết; các hoạt động tuyên truyền, văn hóa nghệ thuật chào năm mới, mừng Đảng, mừng Xuân Bính Ngọ năm 2026, bảo đảm vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm, tạo không khí phấn khởi trong Nhân dân. Triển khai kịp thời, hiệu quả công tác chính sách người có công với cách mạng; quan tâm

chăm lo cho các đối tượng chính sách, gia đình khó khăn, người già neo đơn, trẻ em không nơi nương tựa, lang thang cơ nhỡ, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Các lĩnh vực kinh tế tiếp tục duy trì kết quả tích cực:

+ Tổng diện tích gieo trồng vụ Xuân ước đạt 117.794 ha, đạt 90,36% so với kế hoạch và đạt 98,24% so với cùng kỳ; tổ chức thành công Lễ phát động Tết trồng cây đầu Xuân Bính Ngọ 2026.

+ Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 02 tháng ước tăng 16,29% so với cùng kỳ; tổng mức bán lẻ hàng hoá ước đạt 24.034 tỷ đồng, tăng 15,62% so với cùng kỳ; doanh thu du lịch ước đạt 1.969 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ.

+ Thu hút đầu tư: tính đến ngày 23/02/2026, đã chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp GCNĐKĐT cho 10 dự án, điều chỉnh cho 26 lượt dự án; tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm: 64.341,54 tỷ đồng. Đặc biệt, UBND tỉnh đã quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập với tổng vốn đầu tư 59.372 tỷ đồng, lớn nhất từ trước đến nay.

- Thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 5.578 tỷ đồng, đạt 23,9% dự toán; tăng 15,8% so với cùng kỳ.

- Tiếp tục triển khai chuẩn bị công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031 đảm bảo tiến độ quy định.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, triển khai kịp thời các nhiệm vụ ngay sau kỳ nghỉ Tết.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo tốt, các tiêu trọng điểm được bảo vệ tuyệt đối an toàn.

2. Khó khăn, hạn chế

- Một số công trình trọng điểm còn chậm tiến độ, còn vướng mắc về hồ sơ thủ tục, GPMB, tái định cư, vật liệu,..

- Tiến độ tham mưu một số sở, ngành theo chương trình công tác và các văn bản giao việc của UBND tỉnh còn chậm;

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công còn thấp.

II. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháng 3 năm 2026

1. Các ngành, các cấp khẩn trương tập trung ngay vào thực hiện nhiệm vụ; rà soát, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, không để tư tưởng nghỉ Tết kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công việc; triển khai quyết liệt các giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 (10,5 – 11,5%).

- Các Tổ công tác được thành lập theo Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND tỉnh để chỉ đạo, thúc đẩy thực hiện Kế hoạch năm 2026 khẩn trương rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quý I/2026 so với kịch bản tăng

trưởng đã đề ra; trên cơ sở kết quả thực hiện quý I, tiến hành rà soát, cập nhật kịch bản quý II và 6 tháng, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của quý II để tập trung chỉ đạo.

- Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XIV, các Nghị quyết của Bộ Chính trị (Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế Nhà nước, Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

2. Tăng cường kỷ cương quản lý tài chính ngân sách, quyết liệt thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách; quản lý chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả, tiết kiệm.

Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Bùi Thanh An chỉ đạo Sở Tài chính, Thuế tỉnh, Hải quan Khu vực XI và các địa phương rà soát, triển khai thực hiện để bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ, lộ trình theo kịch bản đề ra.

3. Đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm

- Các sở, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện Kết luận của Bí thư Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Chỉ đạo các công trình, dự án trọng điểm tại cuộc họp ngày 25/02/2026; chủ động bám sát các mốc tiến độ khởi công, tiến độ hoàn thành tại Thông báo số 02-TB/BCĐ ngày 31/12/2025 để quyết liệt thực hiện.

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan, định kỳ hàng tuần báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ thực hiện từng dự án trọng điểm.

- Đề nghị các Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo lĩnh vực được phân công tập trung chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc bảo đảm tiến độ các dự án trọng điểm.

4. Thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công

- Các sở, ban, ngành, địa phương, các chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 06/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường lãnh đạo công tác quản lý đầu tư công, xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

+ Rà soát, trình cấp có thẩm quyền xử lý số vốn còn lại chưa giải ngân đến ngày 31/01/2026 của kế hoạch đầu tư công năm 2025;

+ Rà soát tham mưu triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2026 và xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030;

+ Định kỳ hàng tháng báo cáo UBND tỉnh tình hình, kết quả giải ngân vốn đầu tư công, trong đó báo cáo làm rõ tỷ lệ giải ngân của các chủ đầu tư; đánh giá và kiến nghị, đề xuất các giải pháp để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2026.

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện:

+ Tập trung chỉnh trang đô thị, nhất là tuyến đường, công viên trên địa bàn các phường đô thị Vinh, Cửa Lò,...

+ Tham mưu rà soát phương án nâng cấp hệ thống chống ngập úng khu vực đô thị, nhất là trên địa bàn thành phố Vinh (cũ).

5. Lĩnh vực đất đai, khoáng sản

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 06/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan rà soát, đánh giá trữ lượng, năng lực khai thác và khả năng cung ứng vật liệu xây dựng trên địa bàn, nhất là vật liệu cát, đá; xác định và tham mưu phương án bố trí vị trí bãi đổ thải bảo đảm phù hợp quy hoạch, đúng quy định, đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án, công trình trọng điểm của tỉnh; nghiên cứu, đề xuất cơ chế giao mỏ trực tiếp cho Chủ đầu tư theo quy định hiện hành, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

- Các ngành, các cấp tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm các thủ tục hành chính về đất đai; đảm bảo tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của người dân, doanh nghiệp đúng thời hạn, đúng trình tự, thủ tục và quy định pháp luật.

6. Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tập trung triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp bảo đảm thời vụ, cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện thực tiễn từng vùng, địa phương; theo dõi sát diễn biến của thời tiết; chủ động phương án phòng, chống hạn, bảo đảm nước tưới phục vụ sản xuất.

+ Phối hợp các sở, ngành, địa phương rà soát, đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ rà soát các nội dung liên quan đến công tác phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; chủ động chuẩn bị đầy đủ nội dung, điều kiện phục vụ làm việc với Đoàn Thanh tra của Uỷ ban Châu Âu.

7. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tập trung triển khai các nhiệm vụ sau: + Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động văn hoá, dịch vụ tâm linh,

lễ hội Xuân; bảo đảm tổ chức lễ hội trang trọng, an toàn, tiết kiệm, đúng quy định; đồng thời gắn công tác quản lý lễ hội với quảng bá, phát triển du lịch, nâng cao hình ảnh địa phương.

+ Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoàn thành trước ngày 30/4/2026.

- Sở Y tế:

+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, bảo đảm sức khỏe Nhân dân.

+ Chỉ đạo tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Y tế bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định; lựa chọn đội ngũ y sĩ, bác sĩ có phẩm chất, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

- Sở Giáo dục và Đào tạo:

+ Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức tốt công tác dạy và học sau kỳ nghỉ Tết; nắm chắc tình hình học sinh trở lại trường, bảo đảm ổn định sĩ số, duy trì nền nếp, kỷ cương dạy học.

+ Chủ động chuẩn bị đầy đủ nội dung, báo cáo, tài liệu phục vụ buổi làm việc của Chủ tịch UBND tỉnh với Sở trong tháng 3/2026; trong đó tập trung đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thời gian qua, những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới.

- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Văn Thành chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo làm việc với các Bộ, ngành Trung ương liên quan đẩy nhanh việc tiếp nhận Trường Phổ thông Herman Gmeiner Vinh để thực hiện chuyển đổi sang cơ sở giáo dục công lập theo đúng quy trình, quy định; xem xét, báo cáo có thẩm quyền phương án mở rộng quy mô Trường THPT Lê Viết Thuật theo hướng sử dụng cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghiệp vụ Vinh đảm bảo quy định, phù hợp tình hình thực tiễn.

- Sở Nội vụ:

+ Theo dõi diễn biến thị trường lao động, tình hình việc làm sau kỳ nghỉ Tết, nhất là tại các khu công nghiệp; kịp thời tham mưu giải pháp ổn định lao động, hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng, người lao động tìm kiếm việc làm, hạn chế tình trạng thiếu hụt lao động.

+ Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An tổ chức Ngày hội việc làm tại các khu công nghiệp trên địa bàn; tăng cường kết nối cung – cầu lao động, góp phần giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội.

8. Về cải cách hành chính, chuyển đổi số, công tác nội vụ

Yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương đề cao vai trò, trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, nhất là công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số; chịu trách nhiệm cao nhất trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện, tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý.

- Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh triển khai các nội dung về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; rà soát, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, đề xuất giải pháp để tập

trung chỉ đạo, bảo đảm thực hiện hiệu quả chương trình, kế hoạch chuyển đổi số đã đề ra.

+ Theo dõi, tổng hợp, định kỳ hàng tháng báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện chuyển đổi số của các sở, ngành, đơn vị, địa phương tại phiên họp UBND tỉnh thường kỳ.

- Sở Nội vụ chủ trì:

+ Tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 06/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

+ Tham mưu công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 theo đúng quy định, bảo đảm tiến độ yêu cầu.

+ Tiếp tục tham mưu, rà soát, đôn đốc triển khai phương án sắp xếp tổ chức bộ máy khối chính quyền, nhất là các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo đúng kế hoạch.

- Sở Tài chính: chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu việc sắp xếp các công ty thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

9. Về rà soát các dự án ngoài ngân sách

Giao Thanh tra tỉnh:

- Khẩn trương hoàn thành việc rà soát các dự án đầu tư ngoài ngân sách có sử dụng đất; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/3/2026 để chỉ đạo xử lý kịp thời;

- Nghiên cứu, thành lập Đoàn thanh tra liên ngành để thanh tra toàn diện Dự án Công viên Trung tâm thành phố Vinh; báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện trước ngày 15/4/2026 để báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh và Thường trực Tỉnh ủy.

10. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

- Công an tỉnh: tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, xử lý các yếu tố tiềm ẩn phức tạp. Trọng tâm là bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026–2031; bảo đảm an ninh, trật tự tại các lễ hội đầu Xuân, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: chủ trì, phối hợp các địa phương tổ chức Lễ giao nhận quân năm 2026 bảo đảm đủ chỉ tiêu, chất lượng tuyển quân theo quy định, trang trọng, an toàn, tiết kiệm.

III. Các nội dung thuộc thẩm quyền UBND tỉnh

1. Về dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện mục tiêu tăng trưởng "02 con số" giai đoạn 2026 – 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 952/STC-THQH ngày 05/02/2026.

2. Về dự thảo Quyết định phân cấp nhiệm vụ tư pháp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh cho Sở Tư pháp: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 458/TTr-STP ngày 25/02/2026.

3. Về dự thảo Quyết định phân cấp nhiệm vụ tư pháp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh cho Sở Tư pháp: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 459/TTr-STP ngày 25/02/2026.

4. Về dự thảo Quyết định ban hành danh mục địa bàn cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 455/TTr-STP ngày 25/02/2026.

5. Về dự thảo Quyết định quy định về việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch từ UBND cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 456/TTr-STP ngày 25/02/2026.

6. Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 454/TTr-STP ngày 25/02/2026.

7. Dự thảo Đề án phát triển tỉnh Nghệ An thành trung tâm logistics của vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Công Thương tại Công văn số 627/SCT-QLTM ngày 25/02/2026; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh

ủy. Sở Công Thương chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tuân thủ quy định pháp luật của hồ sơ, thông tin, số liệu báo cáo, nội dung thẩm định, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh.

8. Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Thống nhất chủ trương theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1386/BC-SXD ngày 26/02/2026; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tuân thủ quy định pháp luật của hồ sơ, thông tin, số liệu báo cáo, nội dung thẩm định, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh.

Các sở, ngành, đơn vị, địa phương trình và thẩm định, đề xuất các hồ sơ nêu trên chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung trình, thẩm định, thông tin, số liệu, tính chính xác, tuân thủ quy định của pháp luật. Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo lĩnh vực phân công phụ trách soát xét, ký duyệt các hồ sơ và chỉ đạo thực hiện các nội dung nêu trên kịp thời, hiệu quả, đúng quy định.

Trên đây Thông báo kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 02 năm 2026, UBND tỉnh thông báo để các sở, ban, ngành, địa phương biết và triển khai thực hiện.

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG
Đặng Thanh Tùng

VĂN PHÒNG UBND TỈNH NGHỆ AN XUẤT BẢN
Địa chỉ: Số 03 đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại: 088.939.1818
Email: vanphong.ubnd@nghean.gov.vn
Website: congbao.nghean.gov.vn